

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG TMCP GIA ĐỊNH
GIADINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

*Giấy phép thành lập số 576/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/1992
Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, điều chỉnh lần 9 ngày 24/07/2007*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

*(Giấy chứng nhận chào bán số: 218/UBCK-GCN
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 11 năm 2007)*

Bản cáo bạch này được công bố tại:

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH

Địa chỉ: 135 Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 9956001 - (08) 9956002 Fax: (08) 9956003

2. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

➤ *Trụ sở chính:*

Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 9343137 Fax: (04) 9360262

➤ *Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 8207816 Fax: (08) 8208117

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông **Phạm Văn Đạt**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định
Điện thoại: (08) 9956024 Fax: (08) 9956023



NGÂN HÀNG TMCP GIA ĐỊNH
GIADINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

*Giấy phép thành lập số 576 /GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/1992
Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992 điều chỉnh lần 9 ngày 24/07/2007.*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia định
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng chào bán : 17.738.200 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán : 177.382.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TÓAN AAC

Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0511) 655886

Fax: (0511) 655887

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9343137

Fax: (04) 9360262

VCBS

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 8207816

Fax: (08) 8208117

MỤC LỤC



PHẦN I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất.....	5
2. Rủi ro về tín dụng.....	5
3. Rủi ro về ngoại hối.....	6
4. Rủi ro về thanh toán.....	6
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	7
6. Rủi ro hoạt động.....	7
7. Rủi ro của đợt chào bán.....	8
8. Rủi ro bất khả kháng.....	9

PHẦN II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết.....	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10

PHẦN III TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Sơ đồ tổ chức và bộ máy điều hành của Ngân hàng.....	14
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng.....	21
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	21
5. Hoạt động kinh doanh.....	21
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất.....	38
7. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	41
8. Chính sách đối với người lao động.....	46
9. Chính sách cổ tức.....	48
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	48
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	49
12. Tài sản.....	62
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	63
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	63
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện.....	64
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành.....	64

**PHẦN IV
CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

1. Loại cổ phiếu	65
2. Mệnh giá	65
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	65
4. Giá dự kiến chào bán.....	65
5. Phương pháp tính giá	68
6. Phương thức phân phối.....	66
7. Thời gian phân phối	68
8. Đăng ký mua cổ phiếu	69
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	69
10. Các loại thuế có liên quan	69
11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	70

**PHẦN V
MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

1. Mục đích chào bán.....	71
2. Kế hoạch đầu tư.....	71
3. Nhu cầu vốn.....	72
4. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	72

**PHẦN VI
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**

1. Tổ chức tư vấn phát hành	74
2. Tổ chức kiểm toán.....	74

**PHẦN VII
PHỤ LỤC**

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992, sau đây gọi tắt là GDNH.
2. “Nợ quá hạn”: là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
3. “Nợ nhóm 1”: hay còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm các khoản nợ trong hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.
4. “Nợ nhóm 2”: hay còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
5. “Nợ nhóm 3”: hay còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả lần đầu phân vào nhóm 2.
 - Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
6. “Nợ nhóm 4”: hay còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2.
7. “Nợ nhóm 5”: hay còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm
 - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
 - Các khoản nợ khoanh chờ xử lý;
 - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần hai quá hạn theo thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ATM	Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
- HĐQT	Hội đồng Quản trị
- BKS	Ban kiểm soát
- BDH	Ban điều hành
- BTGD	Ban Tổng Giám đốc
- BTA	Bilateral Trade Agreement – Hiệp định thương mại Việt Mỹ
- CAR	Capital Adequacy Ratio – Chỉ số an toàn vốn
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- GDP	Gross domestic product – Tổng sản phẩm nội địa
- GĐNH	Ngân hàng TMCP Gia Định
- L/C	Letter of Credit – Thư tín dụng
- HTXTD	Hợp tác xã tín dụng
- NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ROA	Return on Asset – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
- ROE	Return on Equity – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
- TMCP	Thương mại cổ phần
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ	Tài sản cố định
- TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- WTO	World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới
- XNK	Xuất nhập khẩu

PHẦN I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngân hàng là một loại hình kinh doanh đặc biệt, mà trong đó tồn tại nhiều yếu tố nhạy cảm, chịu chi phối bởi các yếu tố như tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Quốc gia và Thế Giới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản phẩm quốc nội trên đầu người, đầu tư nước ngoài, chỉ số tiêu dùng, hệ số lạm phát, tâm lý của người gửi tiền... Do vậy, Ngân hàng Nhà nước đã phải xây dựng những quy định nghiêm ngặt đối với các tiêu chuẩn về các nhân sự được ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo của các Ngân hàng thương mại. Những nhà Quản trị Ngân hàng không chỉ phải đòi hỏi về trình độ chuyên môn và học vấn cao mà còn có kinh nghiệm quản lý trong ngành lâu năm, có kiến thức về quản trị rủi ro, thường xuyên cập nhật các thông tin kinh tế, có hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ hiệu quả. Trong bối cảnh hội nhập thị trường tài chính và hoạt động dịch vụ tài chính ngân hàng ngày càng phát triển mạnh mẽ, cạnh tranh khốc liệt hơn, do vậy đòi hỏi ngành ngân hàng cần có những cải cách để nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong từng hoạt động dịch vụ. Các loại rủi ro mà các ngân hàng nói chung và đối với Ngân hàng TMCP Gia Định nói riêng thường phải đối đầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình có thể kể đến như sau:

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn bình quân của các tài sản có và các khoản nợ của Ngân hàng khi lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến. Điều này làm ảnh hưởng đến tình hình thu nhập của Ngân hàng, không đạt so với mức thu nhập kỳ vọng.

Hiện nay, nguồn vốn huy động chủ yếu của GĐNH là vốn ngắn hạn, trong khi đó tỷ trọng của các khoản cho vay trung và dài hạn lại chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong tổng dư nợ cho vay của GĐNH, trung bình khoảng từ 30% đến 35% của tổng dư nợ. Để tránh rủi ro về lãi suất hiện nay khi cho vay trung và dài hạn, GĐNH áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung hạn cộng thêm một tỷ lệ cụ thể được ấn định trước và điều chỉnh theo lãi suất huy động trung hạn theo từng năm. Bên cạnh đó, GĐNH cũng đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro lãi suất và ban hành những quy định chặt chẽ bằng văn bản về quản lý rủi ro lãi suất, do đó đã giảm thiểu rủi ro về lãi suất.

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh trong trường hợp khi khách hàng mất khả năng trả nợ dẫn đến việc Ngân hàng không thu được đầy đủ cả gốc lẫn lãi của khoản cho vay hoặc là việc thanh toán nợ gốc và lãi không đúng kỳ hạn. Ngoài ra, rủi ro tín dụng không chỉ giới hạn ở hoạt động cho vay, mà còn bao gồm nhiều hoạt động mang tính chất tín dụng khác của Ngân hàng như bảo lãnh, cam kết, chấp thuận tài trợ thương mại, cho vay ở thị trường liên ngân hàng, tín dụng thuê mua, đồng tài trợ...

Hoạt động tín dụng là hoạt động có tính truyền thống và gắn liền với sự tồn tại của ngân

hàng, mang lại lợi nhuận chiếm tỷ trọng lớn và quan trọng đối với GĐNH. Tuy nhiên, hoạt động tín dụng cũng chứa đựng những rủi ro tiềm tàng có khả năng gây mất mát lớn nếu GĐNH không có các biện pháp phòng ngừa và quản lý thích hợp. Để nhằm hạn chế và quản lý rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống, GĐNH đã xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án sau:

- Ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Quy chế về chính sách tín dụng, xếp hạng khách hàng và trích lập dự phòng,
- Áp dụng hệ thống các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng để hạn chế rủi ro bao gồm: chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định và ra quyết định cho vay; xây dựng hệ thống thông tin nội bộ phục vụ cho việc ra quyết định cho vay; tăng cường công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm phát hiện sớm các khoản vay có khả năng xảy ra rủi ro để có biện pháp xử lý kịp thời;
- Thường xuyên thực hiện công tác đánh giá và phân loại các khoản tín dụng để phân loại và áp dụng chính sách khách hàng một cách linh hoạt nhằm hạn chế rủi ro;
- Tăng cường và cải cách công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện và chấn chỉnh những sai sót để phòng chống rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Ngoài ra, GĐNH thường xuyên rà soát, đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ cấp tín dụng để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro đồng thời sàng lọc, lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện nghiệp vụ cấp tín dụng.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro xuất phát từ thay đổi tỷ giá hối đoái giữa tiền bản địa và ngoại tệ, gắn liền với hoạt động kinh doanh ngoại tệ và sự biến động của tỷ giá. Hoạt động ngoại hối của GĐNH chủ yếu là thu đổi trên thị trường tự do, thanh toán cho các khách hàng doanh nghiệp. Quyết định số 1081/2002/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 10 năm 2002 về trạng thái ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, tổng trạng thái ngoại tệ dương và ngoại tệ âm vào cuối ngày không được vượt quá 30% vốn tự có. Quy định này nhằm đảm bảo cho các Ngân hàng có thể giới hạn mức rủi ro tỷ giá và phòng tránh các hoạt động đầu cơ mạo hiểm.

4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro về thanh toán là rủi ro về khả năng có thể xảy ra việc rút tiền đột xuất với khối lượng lớn của người gửi tiền và khả năng của Ngân hàng trong việc đảm bảo tiền mặt để đáp ứng yêu cầu rút tiền thường xuyên và đặc biệt là nhu cầu đột xuất của khách hàng.

Để đối phó với rủi ro về thanh toán, GĐNH đã xây dựng và thực hiện các phương án sau:

- Luôn duy trì tỷ lệ về khả năng chi trả theo từng loại đồng tiền (xác định giữa Tài sản “có” có thể thanh toán ngay so với các loại tài sản “nợ” phải thanh toán ngay) cao hơn tỷ lệ tối thiểu do ngân hàng Nhà nước quy định (tỷ lệ tối thiểu hiện nay do Ngân hàng

Nhà nước quy định là 1),

- Tham gia bảo hiểm tiền gửi và đã được Bảo hiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tiền gửi số: 00016.0001.1/CN-BHTG ngày 19 tháng 10 năm 2006,
- Đầu tư dự trữ công trái, trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu của một số Tổng Công ty Nhà nước với tỷ lệ hợp lý so với nguồn vốn, khi cần thiết có thể dễ dàng chiết khấu hoặc chuyển nhượng để lấy tiền mặt,
- Quy định và duy trì mức tồn tiền mặt tại Hội sở và các Chi nhánh trong toàn Hệ thống phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động thực tế trong từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, GĐNH luôn chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên để nâng cao đạo đức nghề nghiệp, xây dựng và triển khai Phương án phòng, chống tin đồn thất thiệt, cũng như việc duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trên địa bàn, nhất là các Ngân hàng cổ đông của GĐNH như VCB, ICB, Saigonbank... để có thể nhận được sự hỗ trợ kịp thời khi xảy ra việc rút tiền đột xuất với khối lượng lớn của người gửi tiền.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng của GĐNH bao gồm các cam kết, bảo lãnh và các tài sản, giấy tờ có giá... mà Ngân hàng đang nắm giữ trong quá trình hoạt động. Các hoạt động này là hoạt động thuần túy của Ngân hàng, hoạt động này được hạch toán ngoại bảng, rủi ro xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, hay phía đối tác không thực hiện như các cam kết đã nêu, những tổn thất xảy ra sẽ được hạch toán nội bảng. Hiện nay, GĐNH cũng đang thực hiện các khoản cam kết cho vay và các khoản bảo lãnh cho khách hàng. Tuy nhiên, phần lớn đối với những cam kết cho vay và các khoản bảo lãnh này thì GĐNH đều yêu cầu khách hàng phải có tài sản đảm bảo hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, bằng những phương thức này thì nếu có những rủi ro xảy ra ngoài dự tính của Ngân hàng thì những thiệt hại sẽ là không đáng kể.

6. Rủi ro hoạt động

Bao gồm toàn bộ các rủi ro có thể xảy ra từ cách thức tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của một Ngân hàng. Các rủi ro hoạt động thường gặp trong hoạt động của Ngân hàng có thể bao gồm các khía cạnh như: việc tuân thủ về cơ cấu hạn mức trong lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn, các quy trình quản lý tín dụng, vấn đề đạo đức nghề nghiệp của nhân viên, kế hoạch khôi phục kinh doanh trong trường hợp xảy ra những thất thoát, thua lỗ... Đối với rủi ro này, GĐNH đã thực hiện các biện pháp như:

- Thành lập một bộ phận kiểm tra pháp chế độc lập với ngân hàng, không tham gia vào quá trình tạo rủi ro mà có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện các quy trình trong ngân hàng nhằm phát hiện, nhận diện rủi ro để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro.

- Trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước, GĐNH không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ quy chế, quy trình nghiệp vụ, đồng thời tổ chức nghiên cứu, tập huấn và quán triệt để đảm bảo mọi CBCNV phải thấu hiểu và thực thi đầy đủ.
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, an toàn và ổn định. Bên cạnh đó thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo ổn định mọi hoạt động của Ngân hàng.
- Thêm vào đó, GĐNH cũng đề ra các giải pháp nhằm chủ động đối phó với các yếu tố bên ngoài như: sự thay đổi về cơ chế, chính sách của nhà nước, thường xuyên cập nhật thông tin, kế hoạch đối phó kịp thời đối với những diễn biến phức tạp của thị trường hay những tác động tiêu cực của các thông tin truyền thông.

7. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của việc phát hành thêm cổ phiếu đợt này của GĐNH là nhằm huy động thêm nguồn vốn để đầu tư xây dựng mới hệ thống các chi nhánh và phòng giao dịch, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng, phát triển thêm một số dịch vụ mới nhằm chuẩn bị cho giai đoạn hội nhập sắp tới.

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành đợt này là 17.738.200 cổ phiếu và nhu cầu vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành này là khoảng 563,7 tỷ đồng. Việc phát hành thêm cổ phiếu của GĐNH ra công chúng lần này nhằm để kêu gọi cổ đông chiến lược, các nhà đầu tư bên ngoài hỗ trợ thêm về mặt công nghệ, tài chính và cùng tham gia, giám sát hoạt động của ngân hàng cũng đồng thời để giảm bớt chi phí vốn huy động của GĐNH, tăng thêm năng lực cạnh tranh của ngân hàng. Tuy nhiên, với diễn biến của tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là khá phức tạp, giá cả chứng khoán biến động liên tục đặc biệt là chứng khoán của ngành ngân hàng. Do vậy, nếu đợt chào bán cổ phiếu lần này của GĐNH ra công chúng rơi vào thời điểm không thuận lợi và việc phát hành cổ phiếu diễn ra không theo như kế hoạch và giá trị thu được từ đợt phát hành không được như kỳ vọng thì sẽ ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch triển khai các dự án của GĐNH trong giai đoạn 2007-2010 và đặc biệt về chi phí vốn huy động của ngân hàng nhưng không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hiện tại của ngân hàng.

Thêm vào đó, theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị của GĐNH ngày 30/10/2007, nếu đợt đầu giá cổ phiếu không được đăng ký mua hết hoàn toàn thì số lượng cổ phiếu còn dư lại từ đợt đầu giá sẽ được tái phân bổ lại cho các cổ đông tại thời điểm sau khi các nhà đầu tư hoàn tất việc đóng tiền với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

8. Rủi ro trái phiếu chuyển đổi

Bên cạnh đó, cũng trong năm 2007, GĐNH dự kiến sẽ phát hành 500 tỷ mệnh giá trái phiếu chuyển đổi với thời hạn chuyển đổi là 13 tháng, thời điểm thực hiện chuyển đổi dự kiến là vào cuối năm 2008. Khi trái phiếu chuyển đổi đáo hạn và các trái chủ sẽ thực hiện quyền chuyển đổi hoàn toàn thì vốn điều lệ của GĐNH này sẽ được nâng lên xấp xỉ 1.000 tỷ đồng trong năm 2008, tương đương với mức tăng vốn điều lệ là 100% so với năm 2007. Điều này sẽ tạo thêm áp lực cho GĐNH trong năm 2008 về việc trả cổ tức cũng như khả năng pha loãng giá cổ phiếu của Ngân hàng trên thị trường giao dịch cổ phiếu nếu mức lợi nhuận của GĐNH trong năm không theo kịp về tốc độ tăng trưởng về quy mô vốn điều lệ.

9. Rủi ro bất khả kháng

Rủi ro này xảy ra ngoài dự tính của con người như: thiên tai, dịch bệnh, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh... ảnh hưởng đến tâm lý và thu nhập của khách hàng. Để hạn chế tối thiểu những rủi ro có thể xảy đến cho ngân hàng, GĐNH có nhiều biện pháp như cho vay phân tán, mua bảo hiểm cho những khoản cho vay lớn, hay động viên khách hàng mua bảo hiểm trong những giao dịch cần thiết để dự phòng cho những rủi ro không may xảy ra. Hiện tại GĐNH đã mua bảo hiểm cháy nổ, tài sản và con người.

PHẦN II
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH
ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH

Ông **Nguyễn Văn Sẻ** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà **Trần Thị Việt Thu** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà **Nguyễn Thị Phương Thu** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Bà **Nguyễn Thị Bích Liên** Chức vụ: Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán chứng khoán số 07/TCDN-TVHCM/2007 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định cung cấp.

PHẦN III

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Gia Định (“GDB”) được thành lập và hoạt động từ năm 1992 theo giấy phép số 0025/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp ngày 22/08/1992, giấy phép thành lập ngân hàng số 576/GP-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) TP HCM cấp ngày 08/10/1992 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 ngày 16/10/1992 (đăng ký lần đầu) với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng trên cơ sở hợp nhất 2 hợp tác xã tín dụng: HTXTD Bạch Đằng và HTXTD Kỹ thương.

Từ năm 1994 đến năm 2004 là giai đoạn kiện toàn và củng cố của GĐNH sau vụ án “Thái Kim Liêng và Đồng bọn”. Trong giai đoạn này, với sự chỉ đạo của UBND TPHCM, cùng những hỗ trợ của 16 Ngân hàng trên địa bàn TP HCM và sự đoàn kết nhất trí cao của cả tập thể CBCNV và Ban lãnh đạo của Ngân hàng, GĐNH đã từng bước khắc phục những tồn thất và khó khăn do Vụ án để lại bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ khác nhau, những nỗ lực vượt khó để cùng nhau đưa Ngân hàng đi lên. Một số biện pháp nghiệp vụ được vận dụng trong giai đoạn này bao gồm: đẩy mạnh huy động vốn và cho vay; kinh doanh vàng và ngoại hối; tăng cường tìm kiếm khách hàng, củng cố uy tín và thương hiệu của mình đối với các thành phần khách hàng khác nhau bao gồm cá nhân và các tổ chức kinh tế vừa và nhỏ quanh địa bàn trụ sở và chi nhánh của Ngân hàng, phát triển hoạt động thanh toán đối ngoại; đầu tư trái phiếu kho bạc... Những giải pháp trên đã mang lại kết quả khả quan, đưa GĐNH thoát khỏi nguy cơ đổ vỡ và phá sản; tình hình tài chính được cải thiện; tạo lòng tin trong CBCNV; uy tín của GĐNH được củng cố và phát triển.

Năm 2004, GĐNH đã cho ra đời dịch vụ Phone – Banking. Đây là một dịch vụ rất tiện ích cung cấp cho các khách hàng mà chỉ có ở số ít Ngân hàng cung cấp tại thời điểm bấy giờ. Khách hàng có thể truy cập các thông tin như tỷ giá ngoại tệ, giá vàng, lãi suất tiền gửi, lãi suất tiết kiệm, lãi suất tiền vay, số dư tài khoản thanh toán... đơn giản bằng cách gọi vào số máy dịch vụ của Ngân hàng để có thể truy cập.

Tháng 8 năm 2005, GĐNH được Ngân hàng Nhà nước duyệt tăng Vốn điều lệ từ 25,96 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng theo Quyết định số 1738/NHNN-HCM02 ngày 11/08/2005 của Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo đủ mức vốn điều lệ tối thiểu đối với Ngân hàng TMCP đô thị theo quy định của Chính phủ. Sự kiện này đánh dấu kết thúc quá trình kiện toàn củng cố hơn 10 năm và mở ra thời kỳ phát triển của GĐNH.

Tháng 3 năm 2006, GĐNH đã chính thức tham gia ‘Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng’ đáp ứng nhu cầu chuyển tiền của các tổ chức và cá nhân một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác.

Tháng 12 năm 2006, GĐNH tiếp tục được chấp thuận và điều chỉnh vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 166,040 tỷ theo công văn số 885/NHNN-HCM02 ngày 6 tháng 7 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và tăng từ 166,04 tỷ lên 210 tỷ theo công văn chấp thuận số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26 tháng 12 năm 2006. Trong năm này, GĐNH cũng đã triển khai thành công dịch vụ Mobile – Banking. Với dịch vụ này, các khách hàng có thể thực hiện được các loại giao dịch thanh toán hóa đơn tiền điện, tiền nước, cước phí điện thoại cố định, điện thoại di động, cước phí internet, phí bảo hiểm...

Tháng 4 năm 2007, GĐNH điều chỉnh tăng Vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 322,618 tỷ đồng theo công văn chấp thuận số 599/NHNN-HCM02 của Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 4 năm 2007 đánh dấu thêm một bước tiến nữa của GĐNH.

Sau cả một quá trình phấn đấu không ngừng, từ năm 1994 đến nay, về cơ bản GĐNH đã hoàn toàn khắc phục được những hậu quả từ vụ án ‘Thái Kim Liêng và Đồng bọn’, từ một hệ thống giao dịch gồm một Hội sở, hai chi nhánh, hai phòng giao dịch vào năm 2004 đến nay GĐNH đã xây dựng được một mạng lưới hoạt động bao gồm Hội sở, 5 chi Nhánh và 4 Phòng giao dịch; đạt tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân hàng năm là 30%/năm; tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân hàng năm là 40%/năm; lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước ; các sản phẩm và dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú.

Trong quá trình hình thành và phát triển, GĐNH đã đạt được những thành tích, danh hiệu như:

- ✓ Được xếp hạng 19 trên 29 Ngân hàng Thương mại trên cả nước trong Hội thảo hợp tác phát triển công nghệ thông tin truyền thông Việt Nam lần thứ X về việc ‘Xếp hạng đánh giá mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT Việt Nam ICT Index 2005’.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng "Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu" lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng Giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.

1.2. Các thông tin cơ bản về Ngân hàng

- Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH**
- Tên giao dịch: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH**
- Tên viết tắt tiếng Anh: **GIA DINH BANK**
- Tên viết tắt: **GIA ĐỊNH NGÂN HÀNG**
- Logo:



- Vốn điều lệ: 322.618.000.000 đồng
- Trụ sở chính: 135 Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 9956001 – 9956002 Fax: (09) 9956003
- Website: www.giadinhbank.com.vn
- Email: giadinhbank@hcm.fpt.vn
- Giấy phép thành lập: Số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Giấy phép hoạt động: Số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
- Giấy CNĐKKD: Số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/07/2007)
- Mã số thuế: 0301378892
- Tài khoản tiền gửi: số 4531.00.814 tại NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi ;
 - Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác ;
 - Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn ;
 - Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá ;
 - Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
 - Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi

được Ngân hàng Nhà nước cho phép ;

- Dịch vụ cầm đồ.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của GĐNH

Stt	Văn bản pháp lý	Vốn thực góp (000' đồng)	Số tiền tăng (000' đồng)	Tốc độ tăng (%)
1	Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992	460.000	0	0
2	Quyết định 108/QĐ-NH5 ngày 12/4/1995	25.960.000	25.500.000	5.543,48
3	Cv số 1738/NHN-HCM02 ngày 11/8/ 2005	80.000.000	54.040.000	208,17
4	Cv số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006	166.040.000	86.040.000	107,55
5	Cv số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006	210.000.000	43.960.000	26,48
6	Cv số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/4/2007	322.618.000	112.618.000	53,63

1.4. Cơ cấu vốn cổ phần

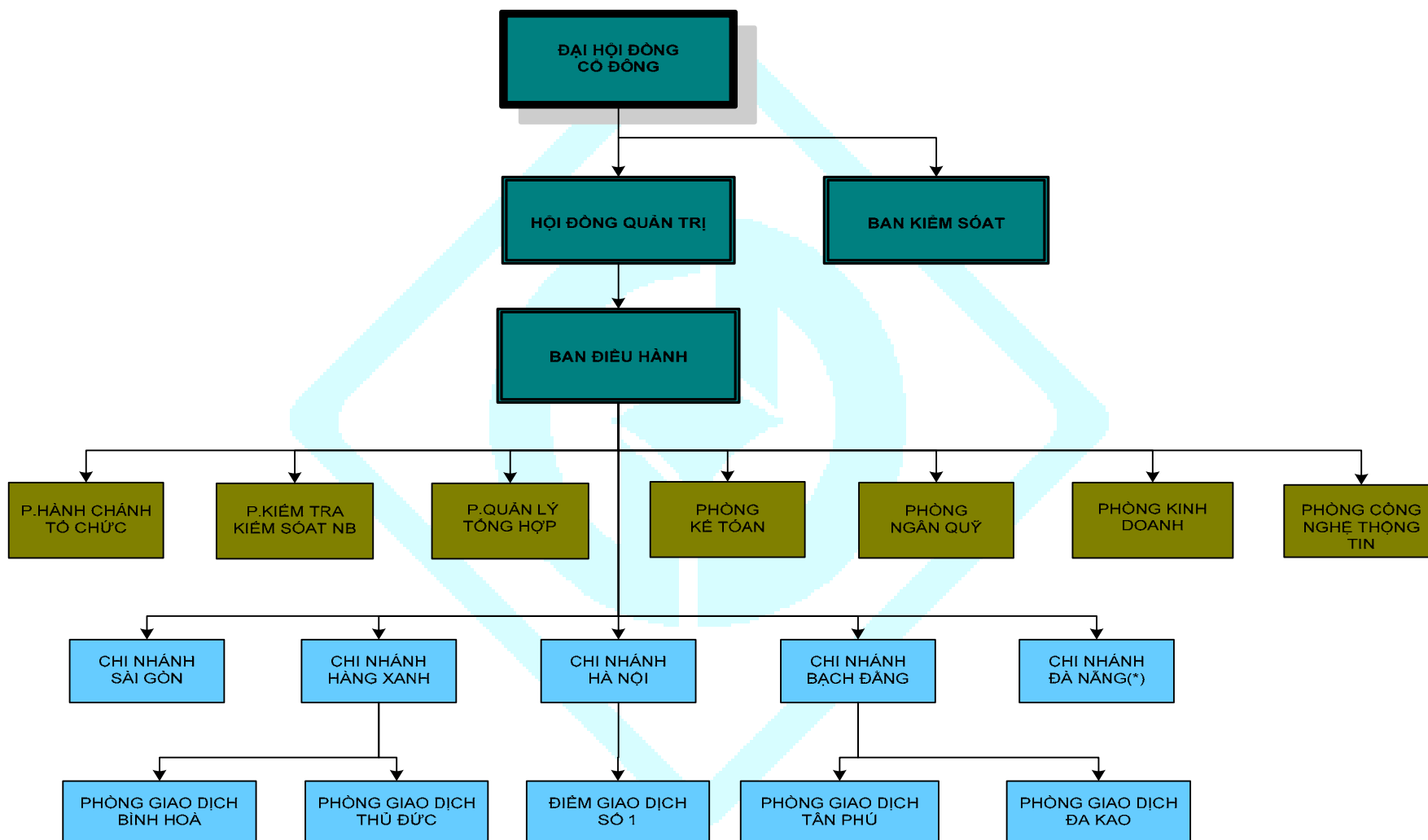
Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của GĐNH tính đến thời điểm 24/07/2007

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	02	1.897.000	18.970.000.000	5,88
2	Trong Ngân hàng	143	5.926.100	59.261.000.000	18,37
	- HDQT, BTGD, BKS	11	4.144.800	41.448.000.000	12,85
	- CBCNV	132	1.781.300	17.813.000.000	5,52
3	Ngoài Ngân hàng	348	24.438.700	244.387.000.000	75,75
	- Pháp nhân	12	6.498.500	64.985.000.000	20,14
	- Đoàn thể	-	-	-	
	- Thẻ nhân	336	17.940.200	179.402.000.000	55,61
	Tổng cộng	493	32.261.800	322.618.000.000	100,00

2. Sơ đồ tổ chức và bộ máy điều hành của Ngân hàng

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

Biểu đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của GĐNH



(*) Khai trương trong Quý 4/2007

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

- **Đại hội Đồng cổ đông:** Là cơ quan quyết định cao nhất của GĐNH. Đại hội cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị; thông qua, bổ sung, sửa đổi điều lệ; quyết định tăng giảm vốn điều lệ; thông qua định hướng phát triển trung và dài hạn; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức của ngân hàng...và các quyền khác được nêu trong Điều lệ của Ngân hàng.
- **Hội đồng Quản trị:** Là cơ quan quản lý cao nhất của ngân hàng, có toàn quyền nhân danh GĐNH để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của GĐNH, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị của GĐNH gồm 05 thành viên.
- **Ban kiểm soát:** số thành viên của BKS gồm 03 thành viên. BKS là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của GĐNH, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng...

2.3. Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng

- **Ban điều hành:** số thành viên của BDH gồm 05 thành viên. BDH là cơ quan chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; thông qua đó kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của các chi nhánh về các chỉ tiêu, công tác do BDH giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
- **Khôi hỗ trợ điều hành:**
 - **Phòng Quản lý tổng hợp:**
 - Nghiên cứu, khảo sát và tham mưu trong việc xây dựng, thực hiện và điều chỉnh các mục tiêu chiến lược phát triển của Ngân hàng và định hướng phát triển, kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Nghiên cứu, khảo sát thị trường và tham mưu trong việc phát triển mạng lưới hoạt động của Ngân hàng.
 - Lập kế hoạch kinh doanh, tài chính và kế hoạch công tác năm của toàn Ngân hàng.
 - Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch của toàn Ngân hàng.
 - **Phòng công nghệ thông tin:**
 - Thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin
 - Phụ trách hệ thống tin học trong toàn hệ thống.
 - Tư vấn cho Ban điều hành về các hệ thống phần mềm mới và chịu trách nhiệm trong việc triển khai lắp đặt và sử dụng các hệ thống phần mềm.

➤ **Phòng kiểm tra Kiểm soát nội bộ:**

- Giám sát, kiểm tra nghiệp vụ ngân hàng trong toàn hệ thống trên cơ sở các văn bản chế độ của Nhà nước, Ngân hàng nhà nước và GĐNH.
- Tư vấn cho Tổng Giám đốc và phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ trong công tác triển khai các văn bản chế độ của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến hoạt động Ngân hàng.
- Tham gia nghiên cứu soạn thảo hoặc chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy trình nghiệp vụ của GĐNH.

➤ **Phòng Hành chính-Tổ chức:**

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch nhân sự và kế hoạch nhân sự hàng năm, bao gồm tổ chức tuyển dụng, sắp xếp bố trí nhân sự cho các đơn vị trực thuộc ngân hàng, tổ chức các khóa đào tạo trong nội bộ ngân hàng và đề xuất nhân sự tham gia các khóa huấn luyện do các đơn vị ngoài cơ quan tổ chức.
- Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế thừa cho toàn hệ thống ngân hàng.
- Tổ chức quản lý hồ sơ nhân viên của toàn ngân hàng, cập nhật đầy đủ và kịp thời vào hồ sơ nhân viên các thay đổi có liên quan như nơi cư trú, gia đình, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, các nhận xét của lãnh đạo.
- Trực tiếp theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện nội quy cơ quan và phong cách phục vụ khách hàng của cán bộ nhân viên trong toàn Ngân hàng.
- Phụ trách công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác cho toàn thể cán bộ công nhân viên ngân hàng.

➤ **Phòng kinh doanh:**

- Thực hiện các nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng, bao gồm: cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; các nghiệp vụ bảo lãnh; nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu chứng từ có giá.
- Thực hiện nghiệp vụ thanh toán xuất nhập khẩu.
- Thực hiện tài trợ du học.
- Thực hiện các dịch vụ địa ốc như dịch vụ thanh toán mua bán nhà qua ngân hàng.
- Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Dịch vụ thủ tục hành chính về nhà đất như chuyển quyền sở hữu nhà, chuyển quyền sử dụng đất, hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.
- Đề xuất và thực hiện các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn, trễ hạn.
- Kiểm tra sử dụng vốn định kỳ và đột xuất khi cho vay.

- Đôn đốc khách hàng trả vốn, lãi đúng kỳ hạn.
- Thu thập các ý kiến đóng góp của khách hàng về công tác tín dụng, nghiên cứu việc thực hiện các sản phẩm cùng loại của ngân hàng khác trên địa bàn để đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh.
- Cung cấp thông tin tín dụng cho phòng kinh doanh và các phòng giao dịch.
- Tham mưu nghiệp vụ tín dụng toàn hệ thống cho Ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Kế toán:**

- Thiết lập hệ thống sổ sách, chứng từ, báo biểu kế toán thống nhất trong toàn Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nguyên tắc, phương thức thiết lập các chứng từ ban đầu, chứng từ kế toán, việc định khoản và các báo biểu thống kê phục vụ cho yêu cầu hạch toán kế toán và báo cáo thống kê của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán nội bộ Ngân hàng, thực hiện công tác quyết toán năm cho toàn Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Tham mưu và thực hiện các vấn đề về thuế và các khoản nộp ngân sách.
- Quản lý tài sản cố định của toàn Ngân hàng về mặt sổ sách.
- Tham gia kiểm kê định kỳ và đột xuất về tồn quỹ, các loại tài sản tại Hội sở, đồng thời kiểm tra việc kiểm kê định kỳ và đột xuất về tồn quỹ, các loại tài sản khác tại các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có liên quan theo sự phân công của Tổng giám đốc.
- Soạn thảo các quy chế, chính sách, quy định, quy trình liên quan đến các nghiệp vụ do phòng thực hiện.

➤ **Phòng Ngân quỹ:**

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, tiền giữ hộ, tiền vay, chuyển tiền, thu đổi ngoại tệ và nghiệp vụ ngân quỹ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GĐNH.
- Nghiên cứu soạn thảo và triển khai thực hiện các quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn thực hiện về các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ của toàn hệ thống GĐNH.
- Quản lý an toàn tiền mặt, vàng bạc đá quý, chứng từ có giá và hồ sơ tài sản thế chấp đúng chế độ an toàn kho quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện các công tác kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu tồn kho và biện pháp phòng cháy chữa cháy, chống mối mọt, ẩm ướt...
- Thực hiện việc mở, quản lý tài khoản của khách hàng bao gồm : tài khoản tiền gửi

tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền vay...theo đúng quy định kế toán.

- Thực hiện nghiệp vụ nhận gửi và thanh toán từ tài khoản khách hàng bằng tiền mặt (bao gồm tiền VND, ngoại tệ) hoặc thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và GĐNH.
- Thực hiện kiểm đếm và thu chi tiền mặt đối với khách hàng và đối với các đơn vị trực thuộc hệ thống Ngân hàng.
- Phối hợp với các phòng ban, các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng để tổ chức thực hiện các dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ bao gồm: dịch vụ thanh toán thẻ visa, master card, thanh toán hộ điện, nước, dịch vụ chi hộ lương, dịch vụ xác nhận số dư trên tài khoản, dịch vụ hỗ trợ du học...

➤ **Các Chi nhánh:**

- Huy động vốn ngắn hạn, trung và dài hạn dưới hình thức tiền gửi các loại pháp nhân, cá nhân trong nước và ngoài nước bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ...theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GĐNH.
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ...đối với các tổ chức kinh tế và cá nhân trên địa bàn theo sự ủy nhiệm của Tổng Giám đốc và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện và quản lý các nghiệp vụ bảo lãnh, thanh toán quốc tế khi được Tổng Giám đốc ủy nhiệm và theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GĐNH.
- Thực hiện và quản lý nghiệp vụ mua bán ngoại tệ, chi trả kiều hối, chuyển tiền nhanh, thẻ thanh toán khi có nhu cầu và được Tổng giám đốc ủy nhiệm, chi nhánh thực hiện nghiệp vụ mua bán vàng.
- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán tại chi nhánh theo đúng chế độ của Nhà nước, của Ngân hàng nhà nước và của GĐNH.
- Chấp hành chế độ quản lý tiền tệ, kho quỹ theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GĐNH, bảo quản chứng từ có giá, giấy tờ thế chấp, cầm cố,...bảo đảm kho quỹ an toàn tuyệt đối. Thực hiện nghiệp vụ thu, chi tiền tệ.
- Quản lý tài sản bao gồm nhà cửa, xe cộ, máy móc, thiết bị phương tiện, dụng cụ làm việc.
- Quản lý nhân sự, có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên vừa hồng vừa chuyên nhằm nâng cao uy tín phục vụ.
- Thực hiện chế độ bảo mật nghiệp vụ Ngân hàng như bảo mật về số liệu tồn quỹ, tài khoản ngân hàng, tài khoản tiền gửi khách hàng, bảng tổng kết tài sản...

▪ Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Gia Định:

- Hội sở: 135 Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 9956001 Fax : (08) 9956003
- Chi nhánh Bạch Đằng : 473C Bạch Đằng, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8412146 Fax : (08) 8413656
- Chi nhánh Hàng Xanh : 68 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8991567 Fax : (08) 8995441
- Chi nhánh Sài Gòn : 119 Nguyễn Thái Học, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8385550 Fax : (08) 8385553
- Chi nhánh Hà Nội : 55 Đào Tấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại : (04) 7667336 Fax : (04) 7667335
- Phòng giao dịch Bình Hòa : 187 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ chí Minh.
Điện thoại : (08) 8411367
- Phòng giao dịch Thủ Đức : 42 Lê Văn Ninh, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8966081
- Phòng giao dịch Tân Phú : 430 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 4067295 Fax : (08) 4067296
- Phòng giao dịch Đa Kao : 66 Trần Quang Khải, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 8483591 Fax : (08) 8483592
- Điểm giao dịch số 01 : Tầng 9, Tòa Nhà Trung tâm Thương mại Vân Hồ, Số 51 Phố Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Sắp khai trương trong quý VI năm 2007:

- Chi Nhánh Đà Nẵng : 386 Hoàng Diệu, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tính đến thời điểm 24/07/2007 như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của GĐNH

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	2C Phó Đức Chính, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.	3.225.000	32.250	9,99
2	Nguyễn Thị Minh Kỳ	105 An Dương Vương, P.8, Q.5	1.916.500	19.165	5,94
3	Nguyễn Văn Cựu	85 Trương Công Định, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM	2.661.600	26.616	8,25
4	Huỳnh Văn Thọ	105 An Dương Vương, P.8, Q.5	1.612.500	16.125	5,00
	Tổng cộng		8.126.700	81.267	29,18

Nguồn: GĐNH

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

4.1. Các công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng

5.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

❖ Sản phẩm tiền gửi:

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích cung cấp cho khách hàng gửi hoặc rút tiền bất kỳ điểm giao dịch nào thuộc hệ thống và GĐNH không tính phí đối với sản phẩm này. Các loại tiền gửi đối sản phẩm này bao gồm VNĐ, USD, EUR.
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích chủ yếu là hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, bao gồm các loại hình tiết kiệm bằng VNĐ, USD. Đối với tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ, kỳ hạn gửi bao gồm 2 tuần, 1, 2, 3, 6, 9, 13 và 18 tháng ; đối với tiền gửi có kỳ hạn bằng USD, kỳ hạn gửi bao gồm 3,6, 9 và 12 tháng.

- Tiền gửi thanh toán: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD.
- ❖ *Dịch vụ chuyển tiền* : Dịch vụ này giúp khách hàng đưa tiền đến người nhận trên toàn lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. GĐNH cũng cung cấp dịch vụ chuyển tiền kiều hối. Dịch vụ này được cung cấp cho cả những khách hàng chưa có tài khoản tại GĐNH.
- ❖ *Sản phẩm tín dụng*: GĐNH cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.
 - Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ.
 - Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
 - Cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất.
 - Cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng.
 - Cho vay sổ tiết kiệm.
- ❖ *Thanh toán quốc tế*: GĐNH cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế bao gồm :
 - Chuyển tiền thanh toán điện (T/T)
 - Phát hành tín dụng thư (L/C).
 - Thông báo, chuyển bộ chứng từ, chiết khấu bộ chứng từ L/C xuất khẩu, tài trợ xuất khẩu có tín dụng thư.
 - Nhờ thu kèm chứng từ.
 - Nhờ thu trơn.
- ❖ *Dịch vụ Ngân hàng điện tử*:
 - Phone Banking : cung cấp các tiện ích cho khách hàng nhằm truy cập các thông tin tài chính như tỷ giá ngoại tệ, giá vàng, lãi suất tiền gửi...
 - Mobile Banking : cung cấp các tiện ích cho khách hàng bao gồm truy vấn thông tin ngân hàng về giá vàng, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất ; tự động báo số dư khi có thay đổi trên tài khoản ; thanh toán hóa đơn tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, internet...
- ❖ *Các dịch vụ khác*:
 - Kinh doanh ngoại tệ phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế, cung cấp các công cụ giao dịch ngoại hối giúp khách hàng phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá như kỳ hạn, hóan đổi...
 - Mua bán nhà qua Ngân hàng.
 - Thanh toán các loại thẻ tín dụng quốc tế như visa, master.
 - Các loại dịch vụ Ngân hàng khác.

5.1.2. Huy động vốn

Tình hình huy động vốn của GĐNH đang đạt mức tăng trưởng tăng dần trong các năm gần đây. Năm 2005 nguồn vốn huy động là 389,4 tỷ đồng, năm 2006 là 533,49 tỷ đồng, tăng 36,9% so với năm 2005, 6 tháng đầu năm 2007 là 764,9 tỷ đồng, tương đương mức tăng 67,5% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 4: Nguồn vốn huy động

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		6 tháng 2007	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Phân theo kỳ hạn	389.470	100%	533.490	100%	764.986	100%
- Ngắn hạn	279.006	71,64%	428.331	80,29%	686.313	89,72%
- Trung, dài hạn	110.464	28,36%	105.159	19,71%	78.673	10,28%
Phân theo cơ cấu	389.470	100%	533.490	100%	764.986	100%
- Ngoài nước	1	0,00%	1	0,00%	1	0,00%
- Trong nước	389.469	100,00%	532.489	100,00%	764.985	100,00%
+ Tổ chức tín dụng	56.000	14,38%	201.302	37,73%	302.468	39,54%
+ Khách hàng	333.469	85,62%	331.187	62,27%	462.517	60,46%

Nguồn : GĐNH

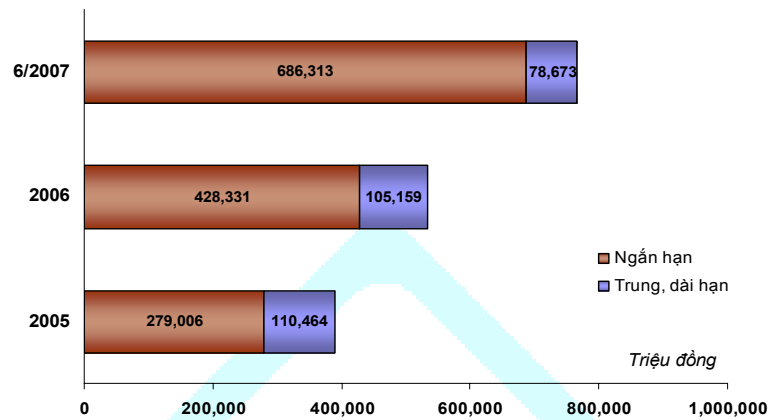
▪ Theo kỳ hạn huy động

Nguồn vốn huy động của GĐNH phân theo kỳ hạn bao gồm ngắn hạn và trung, dài hạn. Trong đó, các khoản huy động ngắn hạn chiếm trung bình khoảng 80,5% trên tổng nguồn vốn huy động và các khoản huy động trung và dài hạn chiếm trung bình khoảng 19,5% của tổng nguồn vốn huy động.

Vốn huy động ngắn hạn của GĐNH bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn. Nguồn huy động này đang có xu hướng tăng trong 3 năm gần đây: từ 279 tỷ đồng trong năm 2005 lên 428,3 tỷ đồng năm 2006, tương đương với mức tăng là 53,51%, và trong 6 tháng đầu năm 2007 là 686 tỷ đồng, tăng 60,23% so với đầu năm. Trong khi đó, nguồn huy động dài hạn lại có xu hướng giảm: từ 110,4 tỷ đồng năm 2005 xuống còn 105,7 tỷ đồng năm 2006, tương đương với mức giảm 4,25% và 6 tháng đầu năm 2007 còn là 78,6 tỷ, tương đương mức giảm là 25,63% so với đầu năm.

Tình hình tăng trưởng nguồn vốn huy động của GĐNH và thay đổi về cơ cấu vốn huy động được thể hiện ở biểu đồ sau :

Biểu đồ 2: Nguồn vốn huy động phân theo kỳ hạn



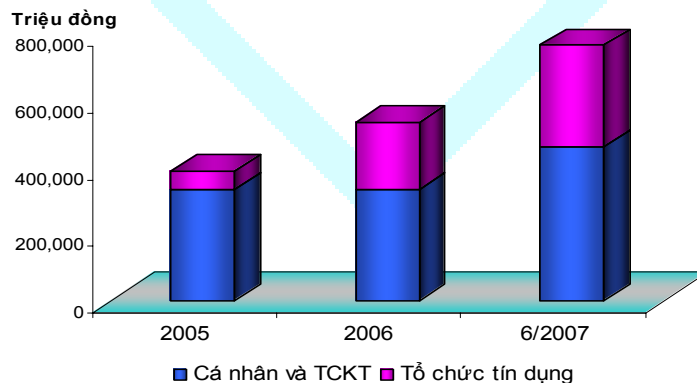
Nguồn: GĐNH

Nguồn vốn huy động của GĐNH chủ yếu là nguồn ngắn hạn, được huy động từ nguồn của các cá nhân là tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và ngắn hạn và tiền gửi thanh toán của các tổ chức kinh tế.

▪ Theo đối tượng huy động

GĐNH chủ yếu huy động vốn của các cá nhân và tổ chức ở trong nước, trong đó đối tượng huy động đang có xu hướng tăng dần về cơ cấu huy động từ các tổ chức tín dụng trong nước nhiều hơn các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước. Điều này là do nhu cầu vay vốn của khách hàng tăng đáng kể trong giai đoạn 2 năm gần đây và GĐNH đã phải huy động thêm nguồn từ các tổ chức tín dụng trong nước.

Biểu đồ 3: Nguồn vốn huy động phân theo đối tượng

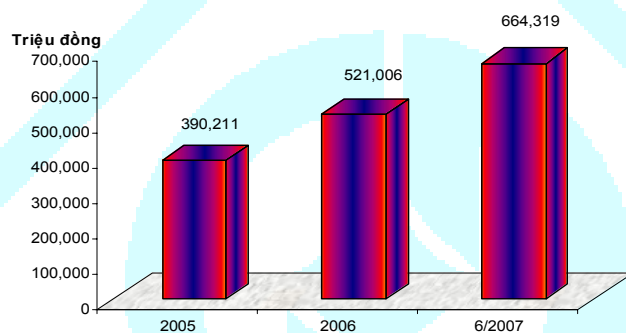


Nguồn: GĐNH

5.1.3. Hoạt động tín dụng

Trong thời gian qua, GĐNH đã mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động hiện có gồm Hội sở, 4 chi nhánh và 4 phòng giao dịch ở các địa bàn trọng yếu ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, GĐNH cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành theo định kỳ hàng năm nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

Biểu đồ 4: Tăng trưởng dư nợ cho vay của GĐNH



Nguồn: GĐNH

- Theo đối tượng cho vay :

Hoạt động tín dụng của GĐNH hoàn toàn tập trung vào các đối tượng khách hàng là các tổ chức kinh tế và cá nhân, GĐNH không có khách hàng vay là các tổ chức tín dụng. Phần lớn các khoản cho khách hàng vay có tài sản thế chấp và được xác định giá trị tài sản thế chấp theo chuẩn mực của GĐNH, do vậy cũng đã hạn chế được tối đa rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng.

Bảng 5: Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		6 tháng 2007	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Tổng dư nợ tín dụng	390.211	18,59%	521.006	33,52%	664.319	67,74%
- Tổ chức tín dụng	-	-	-	-	-	-
- Tổ chức kinh tế, cá nhân	390.211	18,59%	521.006	33,52%	664.319	67,74%

Nguồn: GĐNH

Dư nợ tín dụng của GĐNH đạt mức tăng trưởng đều đặn qua các thời điểm 31 tháng 12 các năm 2005, 2006 và 30 tháng 6 năm 2007. Cụ thể, như năm 2005 tăng 18,59% so với năm trước, năm 2006 tăng 33,5% so với năm 2005 và tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2007 tăng 27,5% so với đầu năm.

Tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2007, dư nợ cho vay của GĐNH là 664 tỷ đồng, tăng 67,74% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Nợ nhóm 1: 652.815 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 98,27% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 2: 9.460 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,42% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 3 và nhóm 4: 1.464 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,22% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 5: 580 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,09%.
- Theo loại hình cho vay

Trong các loại hình cho vay của GĐNH thì các khoản cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng là cao nhất so với các khoản cho vay trung và dài hạn, cho vay hợp vốn. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm trung bình khoảng 68% trên tổng dư nợ cho vay trong 3 năm 2005 – 2007, dư nợ cho vay trung và dài hạn chỉ chiếm trung bình khoảng 30% so với tổng dư nợ. Tuy nhiên, các khoản cho vay trung và dài hạn đang có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Các khoản cho vay hợp vốn của GĐNH chỉ chiếm trung bình vào khoảng 0,9% trên tổng dư nợ cho vay hàng năm của GĐNH.

Bảng 6: Theo loại hình cho vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
Cho vay ngắn hạn	267.547	342.177	480.315
Cho vay trung và dài hạn	116.694	175.028	181.003
Cho vay hợp vốn	5.970	3.801	3.001
Các khoản nợ chờ xử lý	0	0	0
Nợ cho vay được khoan	0	0	0
Tổng cộng	390.211	521.006	664.319
Dự phòng rủi ro tín dụng ngày 31/12	824	278	505
Danh mục cho vay ngày 31/12, thuần	389.387	520.728	663.814

Nguồn: GĐNH

- Cho vay theo tiền tệ

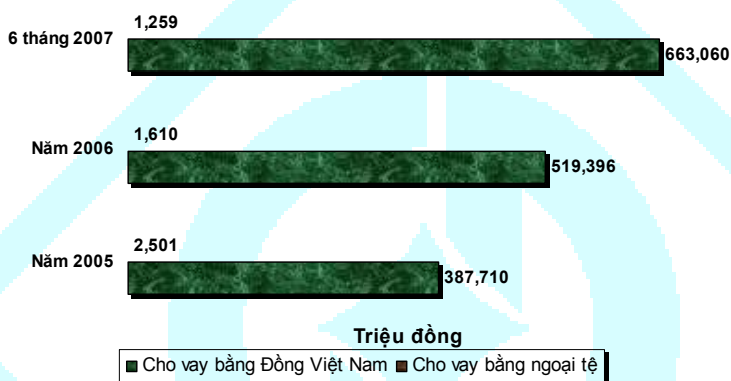
Bảng 7: Cho vay theo tiền tệ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
Cho vay bằng Đồng Việt Nam	387.710	519.396	663.060
Cho vay bằng ngoại tệ quy đồng VN	2.501	1.610	1.259
Tổng cộng	390.211	521.006	664.319

Nguồn: GĐNH

Biểu đồ 5: Cơ cấu cho vay theo tiền tệ cho vay của GĐNH



- Tình hình

hoạt động tín dụng

Trong giai đoạn vừa qua, GĐNH đã tập trung triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo trong vòng 3 ngày nên đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Từ 329 tỷ dư nợ cho vay vào cuối năm 2004 lên 390,2 tỷ năm 2005, tương đương tỷ lệ tăng là 18,6% và năm 2006 tổng dư nợ tín dụng của GĐNH tăng 33,5% so với năm 2005 đạt mức 521 tỷ đồng. Đến thời điểm cuối quý 2 năm 2007 thì dư nợ cho vay của GĐNH được ghi nhận là 664,3 tỷ đồng, tăng 27,5% so với thời điểm đầu năm.

Bảng 8: Tình hình hoạt động tín dụng

Khoản mục	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
Tổng dư nợ (Triệu đồng)	390.211	521.006	664.319
Tỷ lệ nợ quá hạn	1,35%	0,53%	1,16%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	35,55%	60,37%	36,40%

Nguồn: GĐNH

5.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Tình hình kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 2 đến 3 năm gần nhất : Gia định NH đã triển khai thực hiện nhưng do ảnh hưởng của các nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền T/T còn chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu hoạt động của GĐNH.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán năm 2005 – 6/2007 :

Đơn vị : USD

Kinh doanh ngoại tệ	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
Mua	662.000	4.162.000	2.273.000
Bán	834.000	3.513.000	1.228.000

GĐNH đã duy trì được mối quan hệ với khách hàng truyền thống bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các chi nhánh cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. GĐNH đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, GĐNH cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

5.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, GĐNH đang là đại lý nhận thanh toán qua thẻ Visa, MasterCard của Ngân hàng công thương. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, GĐNH thường xuyên phấn đấu đổi mới, quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

5.1.6. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Tổng doanh số thanh toán năm 2005 là 788 tỷ đồng, năm 2006 là 2.289 tỷ đồng, 6 tháng 2007 là 1.770 tỷ đồng. Toàn hệ thống đã bảo đảm an toàn hoạt động ngân quỹ, kiểm đếm chính xác, thanh toán và đáp ứng kịp thời các nhu cầu tiền mặt của khách hàng. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua GĐNH, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

5.1.7. Hoạt động đầu tư tài chính

GĐNH đã đầu tư mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu tổng công ty điện lực, Trái phiếu chính phủ.... Hoạt động này ngoài mục đích mang lại nguồn lợi nhuận còn làm tăng tính thanh khoản cho GĐNH.

Đơn vị tính : Triệu đồng

Đầu tư tài chính	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
Công trái xây dựng Tổ quốc	100	100	100
Trái phiếu chính phủ	250	250	250
Trái phiếu đô thị Tp HCM	1.000	1.000	1.000
Trái phiếu Ngân hàng Ngoại thương	1.948	0	0
Trái phiếu Tổng công ty Điện lực VN	0	10.000	10.000
Trái phiếu chính phủ	0	8.000	8.000
Các chứng khoán khác	0	0	51.551
Tổng cộng	3.298	19.350	70.901

Nguồn : GĐNH

5.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong các vấn đề cốt lõi được GĐNH đặc biệt quan tâm, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và thanh khoản. Nhằm hạn chế tối thiểu rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý nhằm theo dõi và nắm bắt kịp thời những rủi ro vừa phát sinh để có biện pháp xử lý phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các số liệu báo cáo trong những năm trước đây, Ban điều hành Ngân hàng cùng các phòng ban đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro có khả năng phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của GĐNH như sau :

- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro ;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;

- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế ; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở ; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng ngoại hối, thanh toán chuyển tiền...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro;
- Chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm kinh doanh của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ. Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc. Việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý ;
- Thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước ; nâng cấp, đảm bảo chính xác và kịp thời hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro ;
- Mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động, phát triển và đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, dịch vụ của GĐNH phù hợp với xu hướng tất yếu của nước ta đang trên đà tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định, bền vững và lành mạnh đòi hỏi các cấp quản lý phải đặt ưu tiên hàng đầu khả năng nhận biết, quản trị, kiểm soát được các loại hình rủi ro tiềm ẩn đi kèm ;
- Ban điều hành GĐNH luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng báo cáo về tình hình rủi ro của Ngân hàng ; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh ; kiểm soát những thua lỗ ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

5.3. Thị trường hoạt động

5.3.1. Mạng lưới chi nhánh

Mạng lưới hoạt động của GĐNH hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 5 chi nhánh, 4 phòng giao dịch. GĐNH đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm chi nhánh để mở rộng mạng lưới phục vụ.

□ Các chi nhánh :

1. Chi nhánh Bạch Đằng
2. Chi nhánh Hàng Xanh
3. Chi nhánh Sài Gòn

4. Chi nhánh Hà Nội
5. Chi nhánh Đà Nẵng (đã có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, dự kiến sẽ khai trương hoạt động trong Quý IV/2007)

▣ Phòng và Điểm giao dịch:

1. Phòng giao dịch Thủ Đức
2. Phòng giao dịch Bình Hòa
3. Phòng giao dịch Tân Phú
4. Phòng giao dịch Đa Kao
5. Điểm giao dịch số 01 tại Hà Nội

Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, GĐNH luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng chi nhánh và các văn phòng giao dịch của GĐNH nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn khắp nơi trên cả nước. Theo kế hoạch trong năm 2007, GĐNH sẽ mở thêm 3 chi nhánh mới tại Đà Nẵng, Buôn Mê Thuột, Cần Thơ và 6 phòng giao dịch, nâng tổng số Chi nhánh và Phòng giao dịch của GĐNH lên 17 đơn vị. Trong giai đoạn từ 2008-2010, mỗi năm GĐNH sẽ phát triển thêm tối thiểu 10 chi nhánh và phòng giao dịch.

5.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Địa bàn hoạt động chính của GĐNH hiện tại vẫn tập trung ở các Quận huyện đông dân cư, có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng ở thành phố Hồ Chí Minh bao gồm Quận 1, Quận Phú Nhuận, Quận Bình Thạnh, Quận Tân Phú và Quận Thủ Đức. Các khách hàng chính của GĐNH là các khách hàng cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.

Sau hơn 15 năm hoạt động, mặc dù với những thiệt hại nghiêm trọng từ Vụ án “Thái Kim Liêng và Đồng bọn”, GĐNH đã từng bước tích lũy lợi nhuận để thanh toán các khoản nợ nần, thiệt hại từ vụ án trong suốt gần 10 năm và từng bước nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, GĐNH còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

Chuẩn bị cho giai đoạn sắp tới, đặc biệt theo xu thế phát triển và hội nhập của hệ thống

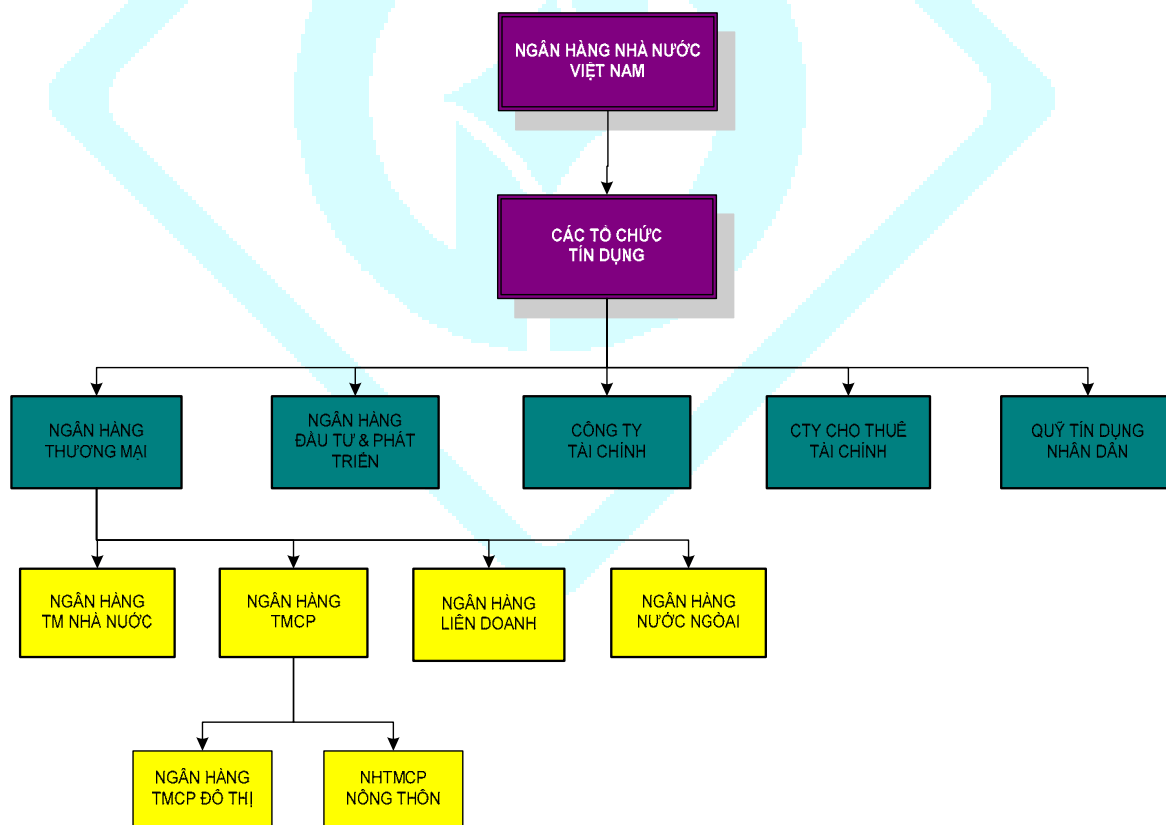
Ngân hàng thương mại Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới, GĐNH kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ, chỉnh đốn và chuyên nghiệp hóa tác phong phục vụ khách hàng, ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước...nhằm định hướng phát triển GĐNH trở thành một trong những Ngân hàng mạnh tại thành phố Hồ Chí Minh.

5.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

5.3.3.1. Hệ thống Ngân hàng Việt Nam

Tính đến cuối năm 2006, hệ thống ngân hàng Việt Nam có 7 nhóm chính bao gồm 5 ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN), không kể Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; 35 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) và 4 NHTMCP nông thôn đang xúc tiến các thủ tục để trở thành NHTMCP đô thị; 37 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 6 ngân hàng liên doanh; 9 công ty tài chính; 12 công ty cho thuê tài chính; và 1 Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương với hơn 20 chi nhánh và hơn 900 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Sơ đồ tổ chức của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam:

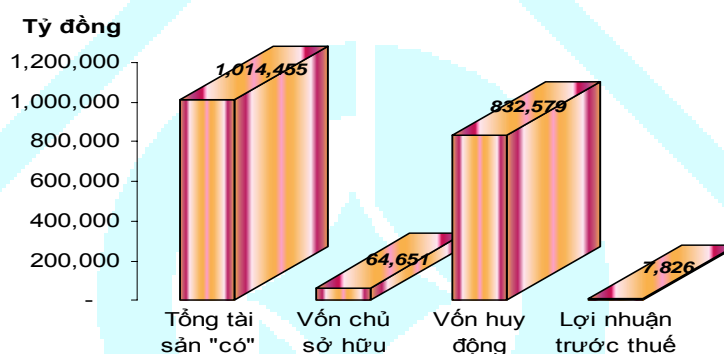


Nguồn: NHNN

Tình hình hoạt động của ngành tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2006:

- ❑ Tổng tài sản “Có” của các TCTD Việt Nam đạt 1.014.455 tỷ VND, tương đương 63.4 tỷ USD,
- ❑ Vốn chủ sở hữu đạt 64.651 tỷ VND, tương đương 4 tỷ USD,
- ❑ Vốn huy động đạt 832.579 tỷ VND, tương đương 52 tỷ USD,
- ❑ Lợi nhuận trước thuế đạt 7.826 tỷ VND, tương đương 489 triệu USD. Các ngân hàng đều thực hiện trích dự phòng rủi ro và số tiền trích được đủ khả năng xử lý rủi ro bình thường trong quá trình hoạt động.

Biểu đồ 6: Một số chỉ tiêu về tình hình hoạt động của Ngành NHVN



Nguồn: NHNN

5.3.3.2. Các Ngân hàng TMCP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, các ngân hàng TMCP trong những năm gần đây cũng đã đạt nhiều kết quả ấn tượng về tốc độ tăng trưởng của vốn huy động, cho vay, dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và các dịch vụ ngân hàng khác có liên quan. Có thể tóm lược tình hình hoạt động của các Ngân hàng TMCP ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo một số chỉ tiêu chính như sau:

- ❑ **Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ của các NHTMCP trên địa bàn đạt 11.955 tỷ đồng, tăng 5,4 lần so với năm 2002. Vốn điều lệ của các NHTMCP tăng trưởng nhanh đã mang lại những lợi ích tức thì cho các ngân hàng như có thể mở rộng về quy mô hoạt động; trang bị, nâng cấp và đổi mới công nghệ.

- ❑ Hoạt động tín dụng: tăng trưởng với tốc độ cao, bình quân 41,8%/năm và huy động vốn tăng trưởng 41,1%/năm; Chỉ số an toàn vốn tối thiểu đảm bảo theo tỷ lệ quy định trên 8%. Chất lượng tài sản có từng bước cải thiện và ngày càng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- ❑ Tổng tài sản có: đạt 168.840 tỷ đồng, tăng 4,87 lần so với năm 2002. Với sự tăng trưởng này đã tạo thêm điều kiện cho các Ngân hàng trong việc thay đổi và chuyển dịch cơ cấu đầu tư, khai thác và sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nhờ vậy, chất lượng tín dụng được cải thiện và ngày càng ổn định, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu giảm dần qua các năm.
- ❑ Tổng dư nợ tín dụng: so với tổng huy động vốn của các NHTMCP trên địa bàn năm 2006 đạt 82,47%. Trong khi đó, tỷ lệ này năm 2005 là 87,22%; năm 2004: 85,66% và năm 2003: 89,75% và năm 2002 là: 80,72%. Bộ phận vốn còn lại được các NHTMCP sử dụng đầu tư chứng khoán như trái phiếu kho bạc; tín phiếu NHNN...; tham gia thị trường liên ngân hàng...
- ❑ Tổng lợi nhuận trước thuế: năm 2005 đạt 1.536 tỷ đồng và năm 2006 đạt 2.622 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận đạt mức cao, từ 30,6 đến 70,7%. Trong đó, hai năm 2005 và 2006 đạt mức tăng trưởng cao nhất: năm 2005 tăng 62,7% và năm 2006 tăng tới 70,7%. Chỉ số ROA năm 2006 đạt 1,12% tăng cao hơn năm 2005 (1,1%).
- ❑ Các dịch vụ ngân hàng phát triển đa dạng: Trong 5 năm qua, các hoạt động dịch vụ ngân hàng trên địa bàn TP.HCM phát triển mạnh, đa dạng và phong phú hơn. Với sự xuất hiện của các dịch vụ ngân hàng điện tử, trong đó dịch vụ thẻ ATM. Dịch vụ này có tốc độ phát triển mạnh nhờ tính tiện lợi, dễ sử dụng và được nhiều khách hàng người dân quan tâm sử dụng trong các giao dịch như rút, gửi tiền mặt, thanh toán dịch vụ, chuyển tiền; tư vấn tin... nhờ vậy thị phần về các hoạt động này chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thị phần do tốc độ tăng trưởng tín dụng, huy động vốn đã được cải thiện.

5.3.3.3. Gia Định Ngân hàng

Tính đến thời điểm năm 2005, GĐNH là một trong những Ngân hàng TMCP tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có vốn điều lệ nhỏ nhất, 80 tỷ đồng. Đến nay, sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng lên 322.618 triệu đồng, GĐNH đã có những bước đột phá tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động như mở rộng mạng lưới hoạt động với 2 chi nhánh và 2 phòng giao dịch thành lập mới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng về tài sản “có” đạt trung bình 30%/năm, dư nợ tín dụng tăng trung bình 40%/năm và vốn huy động tăng trung bình 30%/năm. Tính đến thời điểm cuối năm 2006, tổng nguồn vốn huy động của GĐNH đạt trên 500 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,09% so với tổng vốn huy động của cả các Ngân hàng TMCP tại địa bàn tp Hồ Chí Minh, tổng dư nợ tín dụng

của GĐNH đạt 521 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,11% so với tổng dư nợ của các Ngân hàng TMCP tại địa bàn Tp Hồ Chí Minh.

Mặc dù, với tỷ lệ thị phần khá khiêm tốn đối với các Ngân hàng TMCP tại cùng địa bàn, với kết quả đạt được như hiện nay của Ngân hàng thì đây là cả một bước nhảy vọt trong giai đoạn kiện toàn và phát triển của GĐNH. Trong giai đoạn sắp tới, ngoài việc đẩy mạnh việc phát triển hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, GĐNH kế hoạch mở rộng thêm địa bàn hoạt động ra các tỉnh thành phố lớn khác. Như vào đầu Quý IV/2007, GĐNH sẽ mở thêm Chi nhánh mới tại Đà Nẵng, phòng giao dịch ở Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Điểm giao dịch tại Hà Nội...để từ đó mở rộng địa bàn hoạt động nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần về huy động vốn, dư nợ tín dụng của Ngân hàng.

5.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Một số dự án phát triển hoạt động kinh doanh của GĐNH bao gồm như sau:

- ❑ Mở thêm công ty trực thuộc: Hội đồng Quản trị đã đồng ý về nguyên tắc thành lập Công ty trực thuộc là Công ty chứng khoán. Hiện GĐNH đang chuẩn bị thủ tục để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động cho Công ty này.
- ❑ Mở rộng mạng lưới hoạt động: Theo kế hoạch từ nay đến cuối năm 2007, GĐNH sẽ mở thêm 3 chi nhánh mới tại Đà Nẵng, Buôn Mê Thuật, Cần Thơ và 6 Phòng giao dịch tại Bình Dương, Hà Nội, Long An, Bà Rịa Vũng tàu và Tp Hồ Chí Minh, nâng tổng số Chi nhánh và phòng giao dịch của GĐNH lên 17 đơn vị. Trong giai đoạn 2008-2010, mỗi năm sẽ phát triển tối thiểu thêm 10 chi nhánh và Phòng giao dịch.
- ❑ Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi: Phương án phát hành 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá là 1 triệu đồng, kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 6%/13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ.

5.5. Các chỉ tiêu phát triển của GĐNH trong giai đoạn 2007 – 2010

5.5.1. Trong năm 2007

Với những kết quả đạt được và những tồn tại trong năm 2006, GĐNH phấn đấu trong năm 2007 đạt những chỉ tiêu hoạt động như sau:

- ❑ Vốn điều lệ: đạt 500 tỷ đồng, tăng 290 tỷ đồng so với năm 2006.
- ❑ Vốn huy động: số dư huy động cuối kỳ ước đạt 1.306 tỷ đồng tăng 773 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ tăng là 145,02% so với 31 tháng 12 năm 2006. Trong đó:
 - Số dư huy động từ tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán và tiền gửi của các tổ chức tín dụng là 586 tỷ đồng, tăng 53 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ tăng 10,12% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2006. Số dư huy động bình quân ước đạt 560 tỷ

đồng, tăng 27 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 5,06% so với 31 tháng 12 năm 2006.

- Huy động từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng giá trị mệnh giá là 500 tỷ đồng, dự kiến là sẽ phát hành là trong tháng 11.

- ❑ Dư nợ tín dụng: dư nợ cuối kỳ phần đầu đạt 782.000 triệu đồng.

Dư nợ cuối kỳ ước tăng 261.000 triệu đồng, tương đương với mức tăng là 50,1% so với 31 tháng 12 năm 2006. Dư nợ bình quân ước đạt 650.000 triệu đồng, tương đương với mức tăng là 24,76% so với 31 tháng 12 năm 2006.

- ❑ Nợ xấu: không chế tỷ lệ nợ xấu ở mức không vượt quá 2% trên tổng dư nợ.

- ❑ Phát triển dịch vụ và đầu tư : Hoàn thiện và phát triển các dịch vụ hiện có như thanh toán xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại tệ, chi trả kiều hối, tài trợ du học,...đồng thời triển khai thêm một số dịch vụ mới nhằm tạo tiền đề phát triển trong tương lai. Bên cạnh đó phát triển mạnh các mảng đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh..., với mục tiêu phần đầu mức thu nhập ước đạt khoảng 20% trên tổng thu nhập, đồng thời phát triển các dịch vụ Ngân hàng điện tử nhằm tăng tiện ích cho khách hàng và tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ cho GĐNH. Trên cơ sở đó sẽ ngày càng thu hút khách hàng đến với GĐNH.

- ❑ Phát triển sản phẩm dịch vụ: Để đạt chỉ tiêu thu nhập từ dịch vụ và thu từ các dịch vụ khác ước đạt khoảng 15% trên tổng thu nhập, bên cạnh các sản phẩm dịch vụ hiện có, trong năm 2007 sẽ chú trọng triển khai một số dịch vụ mới đi liền với hiện đại hóa công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh và mở rộng mảng dịch vụ sản phẩm.

- Dịch vụ kiều hối: tìm kiếm thêm đối tác và đẩy mạnh dịch vụ này dưới hình thức liên kết làm đại lý cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kiều hối, đồng thời trực tiếp thực hiện dịch vụ với đối tác nước ngoài.
- Dịch vụ ngân quỹ với các hoạt động như cho thuê két sắt, quản lý các giấy tờ, tài sản có giá, thu chi hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại...
- Dịch vụ thẻ: Bên cạnh việc đã thực hiện làm đại lý thanh toán thẻ Visa/Master card cho ICB, GĐNH đã tiến hành lựa chọn để tham gia hệ thống thẻ thanh toán Vietcombank và thực hiện ngay việc phát hành thẻ thanh toán của GĐNH ngay sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho GĐNH được phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược Vietcombank.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn về đầu tư, du học, tư vấn kinh doanh bất động sản...
- Tham gia thị trường chứng khoán,
- Triển khai hoạt động nghiệp vụ bao thanh toán ngay sau khi được ngân hàng Nhà nước cho phép,

- Dịch vụ ngân hàng điện tử: nghiên cứu và từng bước ứng dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử như Home-Banking, internet-Banking, ...nhằm tạo thêm nhiều kênh liên thông giữa khách hàng và Ngân hàng, từng bước triển khai đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng điện tử.
- Tìm kiếm và đặt mối quan hệ đại lý với một số các Ngân hàng nước ngoài, các đối tác chiến lược để tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ.
- ☐ Khai thác tài sản: GĐNH đã ký hợp đồng chuyển nhượng 10.800m² đất tại Vũng Tàu, bên nhận chuyển nhượng đã tiến hành đặt cọc và hai bên đang xúc tiến các thủ tục sang nhượng theo quy định. Lợi nhuận thu được từ việc xử lý đất sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp về chuyển quyền sử dụng đất và thuế thu nhập lũy tiến ước đạt trên 30 tỷ đồng.

5.5.2. Giai đoạn 2007 – 2010

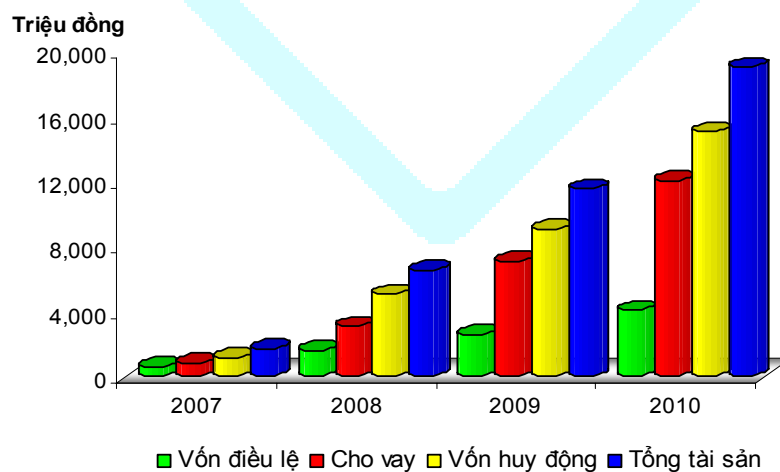
Bảng 9: Chỉ tiêu tổng tài sản giai đoạn 2007 – 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010
Tổng tài sản	1.600	6.500	11.500	19.000
Vốn điều lệ	500	1.500	2.500	4.000
Vốn huy động	1.306	5.000	9.000	15.000
Cho vay	782	3.000	7.000	12.000

Nguồn: GĐNH

Biểu đồ 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu của GĐNH giai đoạn 2007 – 2010



Nguồn: GĐNH

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

□ Về thu nhập

Bảng 10: Thu nhập

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		6 tháng 2007	
	Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
Thu nhập tín dụng	47.221	92,30%	62.182	53,04%	44.461	90,88%
Thu nhập phi tín dụng	3.939	7,70%	55.057	46,96%	4.461	9,12%
Tổng thu nhập	51.160	100,00%	117.239	100,00%	48,922	100,00%

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GĐNH 2005 – 2006 và báo cáo 6 tháng 2007

□ Về chi phí

Bảng 11: Chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	6 tháng 2007	% tăng giảm 2006 so với 2005
Chi trả lãi	30.598	35.142	21.045	14,85%
Chi phí ngoài lãi	11.455	62.774	12.970	448,01%
Tổng chi phí	42.053	97.916	34.015	133,84%

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GĐNH 2005 – 2006 và báo cáo 6 tháng 2007

□ Về lợi nhuận

Bảng 12: Lợi nhuận

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	6/2007	% tăng giảm 2006 so với 2005
Lợi nhuận trước thuế	9.107	19.322	20.806	112,17%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.574	7.402	5.900	187,57%
Lợi nhuận sau thuế	6.533	11.920	14.906	82,46%

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GĐNH 2005 – 2006 và báo cáo 6 tháng 2007

6.2. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	6 tháng 2007	% tăng giảm 2006 so với 2005
Tổng giá trị tài sản	502.687	783.873	1.007.498	55,94%
Doanh số huy động	1.046.276	1.678.470	1.849.976	60,42%
Doanh số cho vay	466.561	607.273	456.040	30,16%
Tổng thu nhập kinh doanh	51.160	117.239	48.922	129,16%
Thuế và các khoản phải nộp	2.574	7.402	5.900	187,57%
Lợi nhuận trước thuế	9.107	19.322	20.806	112,17%
Lợi nhuận sau thuế	6.533	11.920	14.906	82,46%

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GĐNH 2005 – 2006 và Báo cáo 6 tháng 2007

Một số kết quả đáng ghi nhận về tình hình hoạt động kinh doanh của GĐNH trong năm 2006 như sau :

- ❑ Trong năm 2006, GĐNH đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đạt 53.674 triệu đồng. Với kết quả kinh doanh này không những bù đắp cho toàn bộ số mất cân đối do vụ án ‘Thái Kim Liêng và đồng bọn’ để lại mà còn trích lập các Quỹ và chi cổ tức. Việc này đã đánh dấu một sự cột mốc cho bước phát triển mới của GĐNH.
- ❑ Mua mới tài sản làm Hội sở chính tại số 135 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận.
- ❑ Dự nợ tín dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 đạt 521 tỷ đồng vượt ngưỡng 500 tỷ đồng là mốc mà GĐNH đã cố gắng trong nhiều năm qua. Bên cạnh đó, nợ quá hạn đã được xử lý triệt để, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 nợ xấu còn 0,38%. Vốn điều lệ tăng qua các năm : năm 2003 và 2004 là 25,96 tỷ đồng, 2005 là 80 tỷ đồng, cuối năm 2006 là 210 tỷ đồng.
- ❑ Doanh thu trong 3 năm liền từ 2004-2006 năm sau cao hơn năm trước: năm 2004 là 36.689 triệu đồng, năm 2005 là 51.160 triệu đồng, năm 2006 là 117.239 triệu đồng. Tổng doanh thu tăng bình quân 69,78%/năm.
- ❑ Nộp ngân sách tăng bình quân : 2.817,8%
- ❑ Lợi nhuận tăng bình quân : 258,7%
- ❑ Đầu tư tăng bình quân : 1.202,6%

Nhận định, năm 2007 môi trường hoạt động kinh doanh sẽ mang tính cạnh tranh hơn và đây là giai đoạn thử thách đầy cam go mà GĐNH cần phấn đấu để vượt qua, nâng lên một tầm cao mới và chuẩn bị để hội nhập. Để thực hiện điều này, trong năm 2007 GĐNH sẽ tái cấu trúc hoạt động ngân hàng, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực để tăng quy mô hoạt động, tăng cường huy động vốn, đổi mới công nghệ Ngân hàng, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng. Tất cả là để đảm bảo cho sự phát triển bền vững và có hiệu quả, đồng thời bảo đảm mức cổ tức không thấp hơn năm trước.

Có được thành quả mà Ngân hàng TMCP Gia Định đạt được qua 14 năm hình thành và phát triển, cũng như kết quả hoạt động khả quan trong năm 2006 là nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt của Thành Ủy, UBND thành phố, Ngân hàng Nhà nước trong thời gian qua, sự hỗ trợ nhiệt tình từ phía các Ban ngành đoàn thể, từ các Ngân hàng thành viên đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho GĐNH trong hoạt động, sự gắn bó của Quý khách hàng với GĐNH trong những năm qua cùng sự nỗ lực lao động của tập thể cán bộ công nhân viên đã và đang đóng góp hết mình cho sự phát triển của GĐNH.

6.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

Nhìn chung, năm 2006 không chỉ là năm thành công của GĐNH mà còn là của cả hệ thống Ngân hàng TMCP trong cả nước. Đối với GĐNH, kết quả đạt được trong năm như sau : tổng giá trị tài sản tăng 55,9%, tổng thu nhập kinh doanh tăng 129%, tổng thu nhập trước thuế tăng 112% và tổng thu nhập sau thuế tăng 82,4%. Với kết quả đầy ấn tượng như trên, có nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan tác động đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của ngân hàng.

- ❑ Quy mô về vốn điều lệ của GĐNH đã được điều chỉnh tăng lên từ 80 tỷ trong năm 2005 lên 210 tỷ trong năm 2006 đã tạo nhiều điều kiện cho GĐNH đẩy mạnh về hạn mức huy động vốn cũng như khả năng cho vay. Bên cạnh đó, với năng lực tài chính mới, GĐNH đã có đủ điều kiện để đầu tư mở rộng thêm mạng lưới hoạt động của Ngân hàng, nâng cấp các hệ thống trang thiết bị của Ngân hàng, qua đó đẩy mạnh dư nợ tín dụng, doanh thu cho vay và dịch vụ cũng như lợi nhuận.
- ❑ Trong năm 2006, GĐNH đã thực hiện việc bán lô đất 4.698 m² ở Vũng Tàu và thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất này được hạch toán vào lợi nhuận của năm 2006 nên đã góp phần tăng thêm lợi nhuận của năm.
- ❑ Năm 2006, thị trường chứng khoán Việt Nam đạt mức tăng trưởng kỷ lục, cao nhất từ trước đến nay, chỉ số VN-Index tăng gấp 3 lần nên đã có nhiều tác động tích cực đến ngành tài chính nói chung và ngân hàng nói riêng. Bên cạnh việc gia tăng số dư tín dụng của các Ngân hàng TMCP tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lợi nhuận từ các hoạt

động đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu cũng đã được cải thiện rõ rệt trong năm này. Do vậy, tình hình hoạt động kinh doanh của GĐNH trong năm 2006 cũng có nhiều thuận lợi và phát triển hơn so với những năm trước đây.

- ❑ Bên cạnh đó, các yếu tố về môi trường hoạt động của ngành ngân hàng trong năm cũng mang nhiều yếu tố thuận lợi. Thị trường tiền tệ, tín dụng được duy trì ổn định và các công cụ của chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt nhằm giảm áp lực tăng quá cao tổng phương tiện thanh toán, lãi suất thị trường ổn định; các mức lãi suất chủ đạo như: lãi suất tái cấp vốn được duy trì ở mức 6,5%/năm, lãi suất chiết khấu 4,5%/năm và lãi suất cơ bản của Đồng Việt Nam ở mức 8,25%/năm.
- ❑ Tình hình kinh tế đối ngoại ngày càng hội nhập với thị trường kinh tế quốc tế. Tổng sản phẩm trong nước 2006 (GDP) tăng gần 8,2% so với năm 2005 (8,17%). Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 84,15 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2005. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản: Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng từ 40,97% năm 2005 lên 41,52% trong năm 2006; khu vực dịch vụ tăng từ 38,01% lên 38,08%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 21,02% xuống còn 20,40%.
- ❑ Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2006 ước tính đạt 580,7 nghìn tỷ đồng (tính theo giá thực tế) tăng 20,9% so với năm trước. Trong tổng mức, kinh tế nhà nước tăng 8,2%; kinh tế tập thể tăng 20,8%; kinh tế tư nhân tăng 25%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,5%. Thương nghiệp tăng 19,9%; khách sạn, nhà hàng tăng 22,3%; dịch vụ tăng 31,6% và du lịch lữ hành, chiếm 0,7% tổng mức nhưng tăng 30,5%. Tất cả các yếu tố trên cũng góp phần kích cầu tín dụng trong năm.
- ❑ NHNN tiếp tục đổi mới theo hướng chuyên mạnh sang cơ chế điều hành gián tiếp thay cho điều hành trực tiếp như trước đây. Thực hiện mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, góp phần kiềm chế lạm phát, trong năm 2005 NHNN đã 03 lần quyết định điều chỉnh tăng lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, 02 lần điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản, lãi suất tiền gửi của pháp nhân tại tổ chức tín dụng, lãi suất tiền gửi của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước tại NHNN. Đồng thời, NHNN cũng đã ban hành nhiều quyết định mới tạo môi trường pháp lý trong hoạt động ngân hàng ngày càng hoàn thiện.

7. Vị thế của Ngân hàng so với các ngân hàng khác trong cùng địa bàn

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển gần 15 năm, GĐNH đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận... bên cạnh đó GĐNH cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác trong cùng địa bàn:

- ❑ Về cơ cấu cổ đông: là một ngân hàng TMCP đô thị, GĐNH có cơ cấu cổ đông là các cổ

đồng pháp nhân và thể nhân, trong đó các cổ đông pháp nhân là các ngân hàng thương mại nhà nước và thương mại cổ phần lớn và có uy tín trong ngành như Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Incombank), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (Saigonbank), Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB), Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), . . . Trong giai đoạn khắc phục hậu quả của Vụ án, GĐNH đã nhận được nhiều sự hỗ trợ tích cực từ các Ngân hàng thành viên này đồng thời cũng là các cổ đông lớn của GĐNH.

- ❑ Nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của GĐNH là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, đa phần các thành viên Hội Đồng Quản Trị đang nắm những vị trí trọng trách tại các ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của GĐNH trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi và đều được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ của mình.
- ❑ Hệ thống công nghệ thông tin: GĐNH đang triển khai thực hiện dự án Core Banking trong thời gian tới nhằm mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử và ngân hàng hiện đại khác, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới.
- ❑ Hệ thống kiểm tra nội bộ: GĐNH đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng, trong đó tập hợp những cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- ❑ Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong vòng 3 ngày, GĐNH đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng cá nhân và tiểu thương đến với Ngân hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của GĐNH cao, nhờ vậy đảm bảo được mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của GĐNH đối với các ngân hàng khác.
- ❑ Tốc độ tăng trưởng: là Ngân hàng TMCP có quy mô về vốn còn khiêm tốn so với các Ngân hàng khác ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên có nhiều cơ hội tăng trưởng vốn điều lệ cao trong thời gian. Mặt khác, GĐNH đang trên đà phát triển mở rộng hoạt động, mở rộng đầu tư, đồng thời với sự hỗ trợ toàn diện của đối tác chiến lược Vietcombank, GĐNH sẽ đạt mức tăng trưởng cao về các mặt hoạt động nói chung.

7.1. Những cơ hội và thách thức

Năm 2006 là năm khởi sắc của ngành Ngân hàng và vừa qua các Ngân hàng TMCP cũng vừa thực hiện các công bố thông tin về tình hình hoạt động cho 6 tháng đầu năm, các số liệu hoàn toàn ấn tượng. Giai đoạn hiện nay có thể nói là giao thời trong thời kỳ hội nhập, nên sẽ tồn tại nhiều cơ hội và thách thức và đặc biệt đối với ngành ngân hàng như sau :

7.1.1. Cơ hội

- ❑ Trong những năm gần đây, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP khá cao và ổn định: năm 2003 đạt 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 là 8,2%. Mục tiêu tăng trưởng của nền kinh tế giai đoạn 2006 -2010 được đặt ra là phải đạt bình quân 7,5% - 8%, phấn đấu đạt trên 8%, kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm. Riêng năm 2007, sẽ phấn đấu GDP tăng 8,2 – 8,5%, kim ngạch xuất khẩu tăng 17,4% tương đương 45,2 tỷ USD; kim ngạch nhập khẩu tăng 15,5% tương đương 49,1 tỷ USD... Đây là cơ hội cho ngành ngân hàng thể hiện vai trò trong việc huy động, cân đối và điều hòa các nguồn vốn lưu chuyển trong xã hội góp phần nâng cao thu nhập của khối dịch vụ tài chính.
- ❑ Hiện tại, các dịch vụ ngân hàng bán buôn, dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong nước vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác và đặc biệt là mảng dịch vụ thanh toán thẻ trong dân cư. Với dân số gần 83 triệu người, theo tính toán của các chuyên gia kinh tế thì thị trường Việt nam sẽ có khoảng hơn 10 triệu người có khả năng sử dụng các loại thẻ thanh toán, trong khi hiện nay số lượng khách hàng sử dụng thẻ mới đạt tới con số 2 triệu. Đây là cơ hội cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- ❑ Việc Việt Nam được chính thức gia nhập vào WTO vào tháng 11 năm 2006 là động lực thúc đẩy các ngân hàng trong nước phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường, khắc phục những nhược điểm còn tồn tại và đồng thời tăng cường năng lực cạnh tranh trên cơ sở nâng cao trình độ quản trị điều hành và phát triển dịch vụ ngân hàng. Trong quá trình hội nhập, mở cửa thị trường tài chính, khuôn khổ pháp lý sẽ dần được hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế, từ đây sẽ hình thành môi trường kinh doanh bình đẳng và từng bước phân chia lại thị phần giữa các nhóm ngân hàng theo hướng cân bằng hơn. Do vậy, đây sẽ là một cơ hội cho các ngân hàng thể hiện bản lĩnh, xác định phương hướng và mục tiêu cho mình để tồn tại và vươn lên trong bối cảnh thị trường như hiện nay.
- ❑ Ngoài ra, việc mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng và nới lỏng hạn chế đối với các tổ chức tài chính nước ngoài là điều kiện để thu hút đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực tài chính – ngân hàng, các NHTM trong nước có điều kiện để tiếp cận sự hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn, đào tạo thông qua các hình thức liên doanh, liên kết với các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế.
- ❑ Thêm vào đó, vấn đề hội nhập như hiện nay cũng sẽ giúp cho các ngân hàng trong nước có khả năng tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế một cách dễ dàng hơn, do vậy hiệu quả huy động vốn và sử dụng vốn sẽ tăng lên, góp phần nâng cao chất lượng và loại hình hoạt động.

7.1.2. Thách thức

- ❑ Việc mở cửa thị trường tài chính sẽ làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, nhất là về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi

được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng, trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều bất cập và thiếu kém.

- ❑ Hoạt động ngành ngân hàng vẫn chưa thực sự khai thác hết những tiềm năng từ trong dân chúng. Qua khảo sát cho thấy tỷ lệ tiết kiệm qua ngân hàng trong tổng tiết kiệm của nền kinh tế đạt khoảng 30%, phần còn lại nằm trong dân cư dưới dạng vàng, ngoại tệ, nhà đất, tiền mặt. Những nguyên nhân như lòng tin, lạm phát, lãi suất, công cụ huy động vốn, thời gian làm việc, mức độ cạnh tranh... cũng khiến cho nhiều tầng lớp dân cư không muốn gửi tiền vào ngân hàng.
- ❑ Việc sử dụng các dịch vụ về ngân hàng ở Việt Nam còn nhiều hạn chế do thói quen của người dân Việt nam thích sử dụng tiền mặt trong thanh toán. Đại đa số người dân chưa sử dụng nên chưa biết được các tiện ích của dịch vụ ngân hàng; các dịch vụ ngân hàng, nhất là dịch vụ thẻ thanh toán, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn với các loại hình kinh doanh chủ yếu là nhà hàng, khách sạn, các hãng sản xuất lớn... nên còn xa lạ với số đông người Việt Nam.
- ❑ Giữa các ngân hàng, còn thiếu sự liên kết, hợp tác với nhau, do vậy đã làm giảm đáng kể hiệu quả kinh doanh của cả hệ thống ngân hàng. Hiện tại vẫn chưa có sự tương thích, liên kết trên diện rộng giữa các hệ thống phát hành các loại thẻ của các ngân hàng khác nhau. Dịch vụ thẻ ATM chưa kết nối chung toàn ngành Ngân hàng vì thế đã hạn chế việc đáp ứng các nhu cầu về sử dụng thẻ trong dân cư. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng của các ngân hàng phát triển vẫn không đồng đều, hệ thống chuyển mạch của các ngân hàng cũng không đồng bộ nên khó kết nối. Do vậy, các yếu tố này thực sự là thách thức đối với các Ngân hàng trong giai đoạn hội nhập.
- ❑ Mặc dù đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến dịch vụ ngân hàng, tuy nhiên hệ thống pháp luật ngân hàng hiện nay chưa thực sự hoàn chỉnh và đồng bộ, chưa đủ khả năng bao quát hết các vấn đề và phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, ngân hàng điện tử ... Luật NHNN, Luật các TCTD, Luật Lao động, Luật Phá sản, ... còn nhiều điểm bất cập, chưa tạo môi trường pháp lý đồng bộ cho hoạt động của NHNN và các TCTD trong cơ chế thị trường. Một số dịch vụ ngân hàng phổ biến trên thị trường quốc tế dự kiến sẽ được phát triển ở Việt Nam theo Hiệp định thương mại Việt – Mỹ và sau khi gia nhập WTO như các công cụ phái sinh; công cụ về tỷ giá, lãi suất; thanh toán quốc tế; bao tiêu; môi giới tiền tệ, ... vẫn chưa được thể chế hoá phù hợp, đồng bộ.
- ❑ Hạ tầng công nghệ nói chung và công nghệ thông tin nói riêng còn phân tán, nhỏ lẻ và thiếu đồng bộ, do đó đã không thể hỗ trợ cho quá trình phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng. Mặc dù đã có những cải tiến đáng kể song tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngân hàng còn chậm, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin-truyền thông còn yếu, dung lượng đường truyền thấp, giá thành đắt, chất lượng dịch vụ không ổn định nên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện hoạt động ngân hàng cũng như yêu cầu về hội nhập với khu vực và quốc tế.

- ❑ Trong giai đoạn sắp tới, các NHTM Việt Nam sẽ mất dần lợi thế cạnh tranh về qui mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối, nhất là sau năm 2010. Sau thời gian đó, qui mô hoạt động và khả năng tiếp cận thị trường, các nhóm khách hàng, chủng loại dịch vụ do các ngân hàng nước ngoài cung cấp sẽ tăng lên. Rủi ro đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể tăng lên do các ngân hàng nước ngoài nắm quyền kiểm soát một số tổ chức tài chính trong nước thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, liên kết kinh doanh; một số tổ chức tài chính trong nước sẽ gặp rủi ro và có nguy cơ thua lỗ, phá sản do sức cạnh tranh kém và không có khả năng kiểm soát rủi ro khi tham gia các hoạt động ngân hàng quốc tế.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo các phân tích và đánh giá của các chuyên gia kinh tế thì lĩnh vực ngân hàng trong những năm tới sẽ phát triển với những đặc điểm sau:

- ❑ Thị trường vốn trong nước năm 2007 có khả năng phát triển làm cho chu kỳ chuyển vốn trong nền kinh tế tốt hơn, sử dụng đồng tiền hiệu quả hơn sẽ tác động làm cho lạm phát giảm. Sử dụng có hiệu quả hơn công cụ tiền tệ gián tiếp như dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở và áp dụng tỷ giá linh hoạt theo dải thị trường; tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam sẽ được nâng cao hơn.
- ❑ Các đối tượng được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng trong nền kinh tế đang dần được mở rộng hơn. Bên cạnh các khách hàng là doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức kinh tế đã xuất hiện rất nhiều khách hàng là các loại hình dân cư, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ❑ Môi trường pháp lý cho hoạt động cung cấp các dịch vụ ngân hàng đang ngày càng hoàn thiện hơn. Chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng giai đoạn 2006-2010 đã được Thống đốc NHNN phê duyệt ngày 19/8/2005 đã góp phần hoàn thiện khuôn khổ thể chế về dịch vụ ngân hàng, nhằm định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng và góp phần điều chỉnh phù hợp hành vi của các chủ thể tham gia trên thị trường Việt Nam.
- ❑ Vấn đề về cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng có xu hướng sẽ gia tăng và phù hợp với BTA và WTO, cạnh tranh từ các tổ chức tài chính nước ngoài cũng sẽ tăng. Hiện nay, ngân hàng 100% vốn nước ngoài chưa được phép thành lập ở Việt nam mà chỉ có các chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới được thành lập tại Việt Nam.
- ❑ Các ngân hàng thương mại vẫn là các tổ chức cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế cho dù có thể giảm dần do các kênh dẫn vốn khác như thị trường chứng khoán, đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp sẽ được mở rộng hơn.
- ❑ Hoạt động cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các khách hàng cá nhân sẽ tăng lên đáng kể và cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước giảm đi. Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao của ngân hàng.
- ❑ Thị trường vốn trong nước được xây dựng hoàn chỉnh hơn. Tiến trình cổ phần hóa sẽ mở rộng nguồn hàng trên thị trường chứng khoán. Thị trường này sẽ dần đóng vai trò tích

cực trong chuyên giao luồng vốn trực tiếp từ nhà đầu tư phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin tài chính của doanh nghiệp dần trở nên công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng trong việc đánh giá chất lượng khách hàng và ra các quyết định đầu tư.

- Mô hình ngân hàng được chuyển đổi dần cùng với quá trình hiện đại hóa công nghệ và hệ thống thanh toán. Quy mô các chi nhánh sẽ từng bước được thu gọn và tiêu chuẩn hóa nhưng năng lực phục vụ sẽ được nâng cao rõ rệt.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động

Tính đến thời điểm 30/06/2007, tổng số CBCNV của Ngân hàng là 153 người. Cơ cấu lao động của Ngân hàng phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14: Cơ cấu lao động

Đơn vị tính: người

	2005	2006	06/2007
Phân theo giới tính			
- Nam	39	62	85
- Nữ	45	52	68
Phân theo trình độ chuyên môn			
- Trên đại học	1	1	1
- Đại học	30	47	72
- Cao đẳng, Trung cấp	18	27	32
- Sơ cấp và khác	35	39	48
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động			
- Không xác định thời hạn	5	3	3
- Có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	46	79	99
- Dưới 1 năm	33	32	51

Nguồn: GĐNH

8.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác

8.2.1. Chính sách đào tạo

Ban đào tạo của GĐNH căn cứ chương trình đào tạo đã được Ban lãnh đạo Ngân hàng thông qua từng giai đoạn để thực hiện các khóa huấn luyện tại chỗ theo từng chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên của Ngân hàng. Bên cạnh đó,

GĐNH còn gửi cán bộ và nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn do các đơn vị đào tạo chuyên ngành tổ chức.

Tạo môi trường làm việc thích hợp nhằm hỗ trợ người lao động có thể phát huy năng lực sáng kiến để đạt chất lượng và hiệu quả trong công tác.

8.2.2. Chính sách lương, thưởng

GĐNH đã thực hiện chế độ tiền lương làm đôn bẩy nhằm kích thích người lao động làm việc tốt hơn. Cụ thể là :

- Tùy theo hiệu quả kinh doanh từng năm, GĐNH có áp dụng bổ sung lương tháng 13, tháng 14 và áp dụng chi thưởng đột xuất cho những cá nhân tập thể có thành tích đạt năng suất cao, sáng kiến tạo ra hiệu quả cho GĐNH.
- Sử dụng công cụ tiền lương, tiền thưởng làm đôn bẩy thu hút nhân tài, khuyến khích CBCNV phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao .

Bảng 15: Thu nhập bình quân của CBCNV qua các năm

Thu nhập của CBCNV	2005	2006	6/2007
Tổng thu nhập (nghìn đồng)	47.000	52.000	18.774
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	3.916	4.333	3.129

Nguồn: GĐNH

8.2.3. Chính sách đãi ngộ

Ngoài chính sách lương thưởng theo chế độ, hàng năm trong các đợt tăng vốn điều lệ, HĐQT và BTGD đều có chính sách ưu đãi đối với người lao động như: bán ưu đãi cổ phần cho CBCNV, thành viên HĐQT, BKS các nhiệm kỳ theo giá bán bằng mệnh giá. Đây là nguồn thu nhập chính đáng cho CBCNV và Ban quản trị điều hành và là nguồn động viên khích lệ tinh thần làm việc của người lao động cũng như gắn bó quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển hoạt động của GĐNH.

8.2.4. Chính sách trợ cấp

Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBCNV theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV. CBCNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận: chi phí đồng phục, được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, các chế độ cho việc thai sản, ốm đau, tử tuất, tham quan nghỉ mát...

8.2.5. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBCNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời

sống vật chất và tinh thần của CBCNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính để đáp ứng đòi hỏi của công việc.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao tay nghề của kiểm ngân viên, cán bộ tin dụng giỏi, cán bộ tin học giỏi... để đẩy mạnh phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của GĐNH, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau :

- Ngân hàng tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông sẽ dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới và được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2005 – 6 tháng 2007

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	6/2007
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	80.000	210.000	322.618
- Tổng tài sản có	triệu đồng	502.687	783.873	1.007.499
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	35,55%	60,37%	36,40%
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
- Doanh số huy động tiền gửi	triệu đồng	1.046.276	1.678.470	1.849.976
- Doanh số cho vay	triệu đồng	466.561	607.273	455.040
- Doanh số thu nợ	triệu đồng	366.809	472.708	311.728
- Nợ quá hạn (nhóm 2 đến nhóm 4)	triệu đồng	14.598	3.737	10.924
- Nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5)	triệu đồng	0	0	580
- Hệ số sử dụng vốn				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	%	14,76%	10,00%	7,09%
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,3%	1,52%	1,48%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0	0	0
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	1,35%	0,53%	1,16%
- Tỷ lệ nợ nhóm 5/Tổng dư nợ	%	0	0	0,87%

3. Khả năng thanh khoản¹				
- Khả năng thanh toán ngay	%	1,90	2,85	1,57
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn	%	0	0	0

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của GĐNH 2005 – 2006 và báo cáo 6 tháng 2007

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

11.1. Danh sách Hội đồng Quản trị

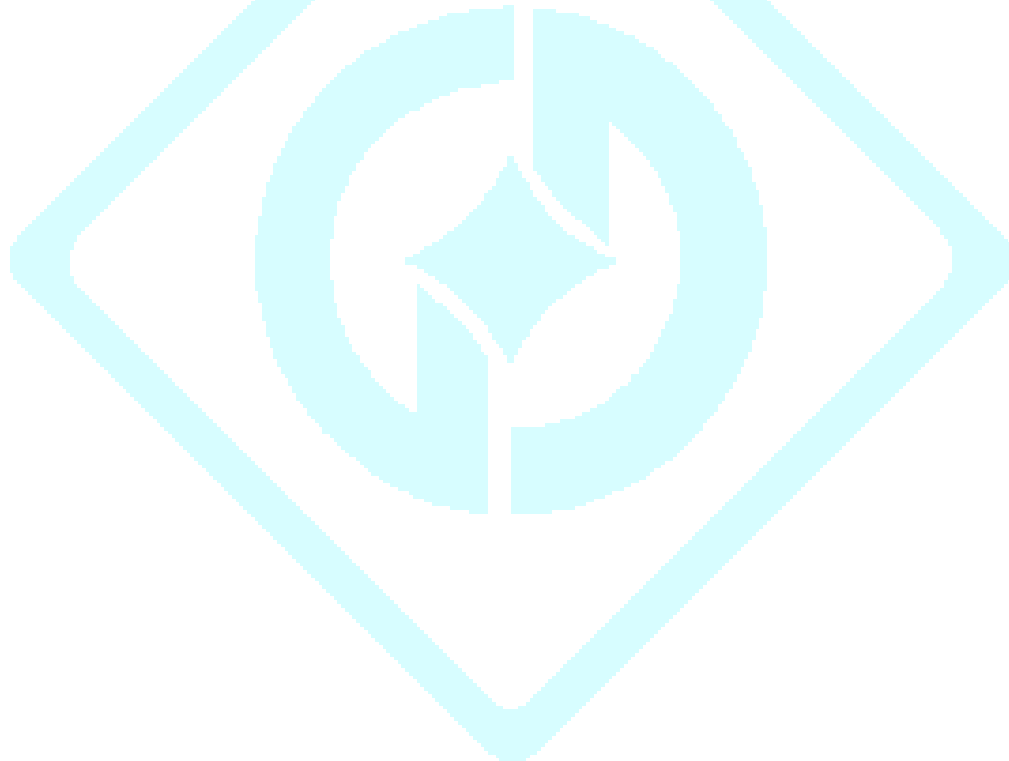
11.1.1. Họ và tên:

Ông Nguyễn Văn Sẻ

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/07/1950
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú: 573/2 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc: 8293296
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân hàng, Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - Từ 1975 – 1983: Cán bộ Ngân hàng Huyện Hóc môn, Tp Hồ Chí Minh
 - 1983 – 1984: Cán bộ Ngân hàng Quận 5, tp Hồ Chí Minh
 - 1984 – 1986: Cán bộ chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tp Hồ Chí Minh
 - 1986 – 1991 : Phó phòng tín dụng Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
 - 1991 – 1994 : Phó phòng tín dụng Ngân hàng Công thương chi nhánh Tp Hồ Chí Minh
 - 1994 – 1997 : Phó Giám đốc Ngân hàng Công thương chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

¹ Khả năng thanh khoản được tính theo Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/04/2005 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

- 1997 – nay : Phó Giám đốc Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ: 948.700 cổ phần tương đương 2,94%, trong đó của cá nhân là 189.900 cổ phần (0,58%) và đại diện cho Ngân hàng Công thương Việt Nam là 758.800 cổ phần (2,35%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có



11.1.2. Họ và tên:	Bà Nguyễn Thị Mười
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	28/01/1950
- Nơi sinh:	Bình Định
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Bình Định
- Địa chỉ thường trú:	889 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	9143684
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Đại học
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1975 – 1980:	Nhân viên vụ kế toán và quản lý Quỹ ngân sách phía Nam
➤ 1980 – 1989 :	Nhân viên phòng kế toán Ngân hàng Công thương Tp Hồ Chí Minh
➤ 1990 – 2004 :	Trưởng phòng kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
➤ 2004 đến nay :	Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
- Chức vụ công tác hiện nay:	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Số cổ phần nắm giữ:	3.321.300 cổ phần tương đương 10,29%, trong đó của cá nhân là 96.300 cổ phần (0,29%) và đại diện cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương là 3.321.300 cổ phần (10,00%).
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.1.3. Họ và tên:	Ông Phạm Văn Tân
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	27/04/1960
- Nơi sinh:	Bình Thuận
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú:	144/10A9 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	8443659
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học kinh tế tp HCM ; Cử nhân Kinh tế Chính trị, Học viện chính trị Quốc gia Tp HCM.
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1982 – 1989:	Công tác tại trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh
➤ 1989 – 1992 :	Công tác tại Công ty vàng bạc đá quý Tp Hồ Chí Minh (SJC)
➤ 1992 đến nay :	Công tác tại Ngân hàng TMCP Đông Á
- Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định ; Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
- Số cổ phần nắm giữ:	835.400 cổ phần tương đương 2,59%, trong đó của cá nhân là 532.500 cổ phần (1,65%) và Đại diện cho Ngân hàng TMCP Đông Á là 302.900 cổ phần (0,94%).
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.1.4. Họ và tên:	Ông Nguyễn Văn Cựu
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	30/10/1972
- Nơi sinh:	Quảng Ngãi
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú:	85 Trương Công Định, P14, Quận Tân Bình, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	0908256789
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế Tp HCM, Đại học Luật Hà Nội
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1996 - 1998:	Công tác tại Công ty TNHH TM Phước Viên
➤ 1999 – 2000 :	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty liên doanh gạch men Ý Mỹ
➤ 2000 – 2004 :	Thành viên Công ty TNHH xe máy Đô Thành
➤ 2004 đến nay :	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Ô tô Đô Thành-Đồng Nai
- Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ:	2.661.600 cổ phần (8,25%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.1.5. Họ và tên:	Bà Trần Thị Việt Thu
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	06/1953
- Nơi sinh:	Cần Thơ
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú:	295/12P Nơ Trang Long, P13, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	9956033
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Kinh tế, Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1973 – 1974:	Công tác A56 C32 BS 71 thuộc ban kinh tài Trung Ương Cục Miền Nam
➤ 1974 – 1975 :	Cán bộ đi học tại trường Đại học Ngoại thương Hà Nội
➤ 1976 – 1980 :	Cán bộ đi học tại trường kinh tế Tp Hồ Chí Minh
➤ 1980 – 1987 :	Thanh toán viên phòng phi mậu dịch – Ngân hàng Ngoại Thương, chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.
➤ 1987 – 1992 :	Phó phòng thanh toán XNK Ngân hàng Ngoại thương, chi nhánh Tp Hồ Chí Minh
➤ 1993 đến nay :	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định, Bí thư chi bộ cơ sở Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ:	350.800 cổ phần (1,09%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.2. Danh sách Ban kiểm soát của Ngân hàng TMCP Gia Định**11.2.1. Họ và tên: Ông Trần Kiên Bình**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/08/1954
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 15 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc: 9956020
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Tp HCM
- Quá trình công tác:
 - Từ 1983 - 1987: Công tác tại Xí nghiệp quốc doanh đánh cá Tp Hồ Chí Minh
 - 1987 – 1990 : Công tác tại công ty dịch vụ Tp Hồ Chí Minh
 - 1990 – 1995 : Công tác tại đoàn 817 Cục nghiên cứu Bộ Quốc phòng
 - 1995 đến nay : Công tác tại Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ: 71.800 cổ phần (0,22%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

11.2.2. Họ và tên:	Bà Vũ Thị Hồng
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	06/04/1947
- Nơi sinh:	Nam Định
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Nam Định
- Địa chỉ thường trú:	2B Nguyễn Huy Tự, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	9956025
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngân hàng
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1984 -1987:	Công tác tại phòng tín dụng Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Ngân hàng quận 1, Tp Hồ Chí Minh
➤ 1987 – 1996 :	Công tác tại Công ty Vàng Bạc Đá Quý Việt Nam
➤ 1996 – nay :	Công tác tại Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ:	32.000 cổ phần (0,10%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.2.3. Họ và tên:	Ông Phan Sum
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	16/10/1951
- Nơi sinh:	Quảng Nam
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú:	65D Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Nông nghiệp, Giấy chứng nhận bán phần cao học về quản trị, các khóa học về chính sách kinh tế và Quản trị Ngân hàng do Chương trình Fullbright chứng nhận.
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1973 - 1975:	Chuyên viên quỹ phát triển kinh tế quốc gia
➤ 1975 – 1979 :	Cán bộ vụ kế hoạch tổng hợp
➤ 1979 – 1989 :	Giảng viên trường Đại học Ngân hàng
➤ 1989 – 1994 :	Trưởng phòng kế hoạch Ngân hàng CP Nhà nước tp HCM
➤ 1994 – 2004 :	Trưởng phòng kế hoạch và phát triển ACB, Giám đốc siêu thị địa ốc ACB.
➤ 2004 đến nay :	Giám đốc khối kế hoạch và đầu tư OCB (Ngân hàng phương đông)
- Chức vụ công tác hiện nay:	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ:	12.400 cổ phần (0,04%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

11.3. Ban Tổng Giám đốc

11.3.1. Họ và tên: Bà Trần Thị Việt Thu

(Tham khảo phần Ủy viên Hội đồng Quản trị)

11.3.2. Họ và tên: Ông Phạm Văn Đạt

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/01/1969
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 113/23 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc: 9956024
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Khối Kinh tế, Ngành Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1996 - 1997: Nhân viên phòng kinh doanh của Ngân hàng TMCP Gia Định
 - 1998 – 2001 : Phụ trách chi nhánh Đa Kao Ngân hàng TMCP Gia Định
 - 2001 -2004 : Phó phòng Kinh doanh và Kế hoạch Tổng hợp Ngân hàng TMCP Gia định
 - 2004 – 2005 : Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp Ngân hàng TMCP Gia Định
 - 2005 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ: 52.800 cổ phần (0,16%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

11.3.3. Họ và tên:	Ông Đinh Ngọc Châu
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	23/07/1960
- Nơi sinh:	Hà Nam
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Hà Nam
- Địa chỉ thường trú:	245/27 Cách Mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc:	9956009
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Ngân hàng
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1981 – 1992 :	Nhân viên kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12
➤ 1993 – 1994 :	Kế toán trưởng Ngân hàng Sài Gòn Công thương, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Tân Bình.
➤ 1994 -2006 :	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Gia Định
➤ 11/2006 đến nay :	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ:	89.200 cổ phần (0,28%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

- 11.3.4. Họ và tên:** Bà Trần Thị Kim Anh
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 18/09/1951
 - Nơi sinh: Sài Gòn
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Sài Gòn
 - Địa chỉ thường trú: 220/50A/75D Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
 - Điện thoại liên lạc: 9956007
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học
 - Quá trình công tác:
 - Từ 1975 - 1983: Cán bộ phòng Kế hoạch, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tp Hồ Chí Minh
 - 1983 – 1994 : Cán bộ phòng kế hoạch Ngân hàng Công thương Tp Hồ Chí Minh
 - 1994 -1995 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp Hồ Chí Minh
 - 1995 – 1998 : Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Lãnh Binh Thăng Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp Hồ Chí Minh
 - 1998 – 2001 : Trưởng phòng kế hoạch phát triển Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp Hồ Chí Minh
 - 2001- 5/2007 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP phát triển nhà Tp Hồ Chí Minh
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
 - Số cổ phần nắm giữ: 55.500 cổ phần (0,172%)
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 - Những người có liên quan: Không có

11.3.5. Họ và tên:	Bà Nguyễn Thị Phương Thu
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	04/02/1968
- Nơi sinh:	Gia Định
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	Long An
- Địa chỉ thường trú:	Ấp Đông, Long Hựu Đông, Cần Đước, Long An
- Điện thoại liên lạc:	9956017
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Đại học kinh tế
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1991 – 1995 :	Công tác tại Ngân hàng TMCP Đồng Tháp
➤ 1995 -1996 :	Nhân viên phòng kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
➤ 1996 – 2004 :	Kế toán Trưởng Chi nhánh Đa Kao, Ngân hàng TMCP Gia Định
➤ 2004 – 2005 :	Phó phòng kế toán Hội sở, Ngân hàng TMCP Gia Định.
➤ 2005 – 2006 :	Phó phòng ngân quỹ kiêm phụ trách phòng, Ngân hàng TMCP Gia Định
➤ 2006 đến nay :	Kế toán Trưởng Ngân hàng TMCP Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán Trưởng Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ:	68.200 cổ phần (0,21%)
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có
- Những người có liên quan:	Không có

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của GĐNH tại thời điểm 30/06/2007 như sau:

Bảng 17: Giá trị TSCĐ tại thời điểm 30/06/2007

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
A	Tài sản cố định hữu hình	23.886.898	22.211.105	92,98%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	20.013.801	19.367.890	98,12%
2	Máy móc, thiết bị & Dụng cụ quản lý	1.461.435	986.707	67,52%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.282.624	1.517.935	66,50%
4	Tài sản hữu hình khác	129.037	68.574	53,14%
B	Tài sản cố định vô hình	5.009.067	4.971.177	99,92%
1	Quyền sử dụng đất 135 Phan Đăng Lưu	4.952.232	4.952.232	100,00%
2	Phần mềm vi tính	56.835	18.945	33,33%
	Tổng cộng	28.895.965	27.182.282	94,07%

Nguồn: trích Báo cáo tài chính 6/2007 của GĐNH

Một số tài sản cố định đang hoàn thiện và sẽ đưa vào hạch toán sau thời điểm 30/06/2007 bao gồm:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá
1	Quyền sử dụng đất 10.800m ² ở Vũng Tàu	28.600.000
2	Các tài sản khác:	
	- Xe chuyên dùng (Tổng giá trị tài sản: 632.394.000đ, trong đó đã trả 234.612.000 đ)	234.612
	- Quyền sử dụng đất & Nhà Đà Nẵng	11.110.000
	- Quyền sử dụng đất & Nhà Bình Dương (Tổng giá trị tài sản: 2.400.000.000 đ, trong đó đã trả 840.000.000 đ)	840.000
	- Quyền sử dụng đất & nhà số 10 Đinh Bộ Lĩnh, Q BT (Tổng giá trị tài sản: 13.000.000.000 đ, trong đó đã trả 650.000.000 đ)	650.000
	- Xe Toyota camry 3.5Q	1.008.689
	Tổng cộng	42.443.301

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới nói chung và của ngành ngân hàng Việt Nam nói riêng, căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển của ngành ngân hàng Việt Nam cùng với việc đánh giá những cơ hội, thách thức và vị thế hiện tại của mình, GĐNH đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho 3 năm tới (2007 – 2009) như sau:

Bảng 18: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng giai đoạn 2007 – 2009

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2006	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2007	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2008
1. Doanh thu (tỷ đồng)	143.800	22,59%	520.000	261,16%	1.130.000	117,31%
2. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	65.000	236,39%	250.000	284,62%	500.000	100,00%
3. Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	46.800	314,53%	180.000	284,62%	360.000	100,00%
4. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	32,55%	22,42%	34,62%	2,07%	31,86%	(2,76%)
5. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	18,00%	12,62%	21,43%	3,43%	23,23%	1,8%
6. Tỷ lệ cổ tức dự kiến (*)	13,08%	6,08%	15,57%	2,49%	16,88%	1,31%

(*) Tỷ lệ cổ tức trên chưa bao gồm việc chia cổ tức từ thặng dư vốn cổ phần

Nguồn: GĐNH

Dự báo kế hoạch tài chính của GĐNH từ nay đến 2008 và 2009 được xây dựng trong điều kiện GĐNH hoàn thành giai đoạn kiện toàn và bước sang giai đoạn phát triển mới mở đầu bằng sự hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Những thông số trên có thể có những sai số nhất định, tuy nhiên cũng đã được tính toán dựa trên những chỉ số tốc độ tăng trưởng ngành ngân hàng Việt Nam cũng như yếu tố then chốt nhất, đặc thù của GĐNH.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn, Công ty chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương đã thực hiện thu thập những thông tin cần thiết và tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Gia Định cũng như xem xét tình hình hoạt động của Ngành ngân hàng. Bên cạnh đó, VCBS cũng dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của GĐNH trong những năm vừa qua, năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và định hướng phát triển của Ngân hàng trong thời gian tới, VCBS nhận thấy kế hoạch kinh doanh của GĐNH nêu trên là có tính khả thi nếu không bị ảnh hưởng bởi những biến động nghiêm trọng về tình hình kinh tế trong những năm tới hoặc những ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam lưu ý rằng những nhận xét của VCBS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các

nhận định nêu trên không hàm ý VCBS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện

Cam kết về phương án phân chia lợi nhuận từ việc xử lý 2 lô đất có diện tích là 15.498 m² tại phường 2, thành phố Vũng Tàu như sau: lãi ròng từ việc xử lý 2 lô đất này được dùng để bù đắp toàn bộ số mất cân đối, trích lập các Quỹ theo tỷ lệ luật định của Nhà nước, các Quỹ phát triển nghiệp vụ, Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Số còn lại (nếu có) được chia làm 2 phần: trong đó 50% lợi nhuận chia lãi cổ đông thuộc quyền lợi của tất các cổ đông tính đến ngày 18 tháng 07 năm 2005 và 50% còn lại thuộc quyền của tất cả các cổ đông tại thời điểm xử lý đất. Việc thay đổi phương án này phải được tất cả các cổ đông với số vốn điều lệ tại thời điểm 18 tháng 7 năm 2005 quyết định.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có

PHẦN IV CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 17.738.200 cổ phiếu

Theo tinh thần của Nghị quyết số 89/GĐB-HĐQT ngày 19/4/2007, tổng số lượng cổ phiếu sẽ phát hành để tăng vốn điều lệ là 29 triệu cổ phiếu, tương đương với 290 tỷ đồng mệnh giá, trong đó cơ cấu đối tượng phát hành sẽ là:

- Cổ đông chiến lược: 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150 tỷ đồng mệnh giá.
- Các cổ đông hiện hữu: 10.500.000 cổ phiếu, tương 105 tỷ đồng mệnh giá, theo tỷ lệ 2 (hai) cổ phiếu cũ thì được mua 1 (một) cổ phiếu mới.
- Người lao động: 1.000.000 cổ phiếu, tương đương 10 tỷ đồng mệnh giá.
- Các nhà đầu tư bên ngoài thông qua đấu giá : 2.500.000 cổ phiếu, tương đương 25 tỷ đồng mệnh giá.

Tuy nhiên, GĐNH đã thực hiện phát hành cho hai đối tượng trước là (1) Cổ đông hiện hữu và (2) Người lao động. Kết quả thu được từ việc phát hành này như sau:

	Thực hiện không thông qua UBCK	
	Thu được	Còn lại
1. Cổ đông chiến lược VCB	0	150 tỷ đồng(**)
2. Cổ đông hiện hữu	102,618 tỷ đồng	2,382 tỷ đồng(*)
3. Người lao động	10 tỷ đồng	0
4. Đấu giá công khai	0	25 tỷ đồng
Tổng cộng	112,618 tỷ đồng	177,382 tỷ đồng

Tính đến thời điểm hiện nay, thì vốn điều lệ của GĐNH được điều chỉnh tương ứng với số tiền thu được từ đợt phát hành là 322,618 tỷ đồng (210 tỷ đồng + 112,618 tỷ đồng).

(*) Là số cổ phiếu còn dư lại từ việc phát hành cho cổ đông hiện hữu. Theo nghị quyết số 114 của HĐQT ngày 24/9/2007 thì số lượng cổ phiếu này, tương đương với 2,382 tỷ đồng mệnh giá sẽ được phân bổ cho 2 đối tượng là:

- Ông Nguyễn Hồng Ánh: 1,5 tỷ đồng mệnh giá do Ông Nguyễn Hồng Ánh là người đã nhận chuyển nhượng 300.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Gia Định nhưng chưa hoàn tất được thủ tục chuyển nhượng cổ phần nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông này.
- Công đoàn Ngân hàng TMCP Gia Định để nhằm tạo nguồn quỹ để khen thưởng cho những cán bộ, nhân viên đạt thành tích xuất sắc, có sáng kiến trong lao động nhằm thu hút nhân tài với số lượng cổ phiếu tương đương với tổng giá trị mệnh giá là 882 triệu đồng.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/7/2007, do cổ đông chiến lược VCB hiện tại đang nắm giữ 11,382 tỷ, theo cam kết cổ đông chiến lược VCB thì tổng số cổ phần được nắm giữ tại GĐNH tối đa là 30% vốn điều lệ của GĐNH, tương đương với 150 tỷ đồng mệnh giá, do vậy số lượng cổ phần dư ra trong việc phát hành cho cổ đông chiến lược là 11,382 tỷ đồng mệnh giá sẽ được chuyển qua đấu giá công khai theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 23/7/2007. Như vậy tổng số lượng cổ phiếu phát hành còn lại của GĐNH đăng ký qua UBCK sẽ là:

	Đăng ký phát hành thông qua UBCK
1. Cổ đông chiến lược VCB	138,618 tỷ đồng(***)
2. Ông Nguyễn Hồng Ánh	1,5 tỷ đồng
3. Công đoàn GĐNH	0,882 tỷ đồng
4. Người lao động	0
5. Đấu giá công khai	36,382 tỷ đồng
Tổng cộng	177,382 tỷ đồng

(***) là số lượng cổ phiếu dành phát hành cho cổ đông chiến lược còn lại sau khi trừ số lượng chuyển qua đấu giá công khai: 150 tỷ đồng – 11,382 tỷ đồng = 138,618 tỷ đồng.

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước theo văn bản số 1019/UBCK-QLPH ngày 14/11/2007, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định cam kết như sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác trung thực và tính hợp pháp, hợp lệ về nguồn và sử dụng vốn trong đợt phát hành tăng vốn từ 210 tỷ lên 322,618 tỷ đồng đã không đăng ký với UBCKNN theo quy định; cam kết chịu trách nhiệm nếu có khiếu kiện xảy ra.
- b. Chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Gia Định với Ông Nguyễn Hồng Ánh, Ngân hàng TMCP Việt Hoa trước đây và cam kết chưa thực hiện giao dịch 150.000 cổ phiếu (tương đương 1,5 tỷ đồng mệnh giá) của Ông Nguyễn Hồng Ánh cho đến khi các thủ tục pháp lý về việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu cho Ông Nguyễn Hồng Ánh được hoàn tất.

4. Phương thức phân phối:

Như vậy, tổng khối lượng đăng ký phát hành đợt này là 17.738.200 cổ phiếu tương đương với 177,382 tỷ đồng mệnh giá theo cơ cấu sau:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
1. Cổ đông chiến lược VCB	13.861.800	138,618 tỷ đồng
2. Ông Nguyễn Hồng Ánh	150.000	1,5 tỷ đồng
3. Công đoàn GĐNH	88.200	0,882 tỷ đồng
4. Đấu giá công khai	3.638.200	36,382 tỷ đồng
Tổng cộng	17.738.200	177,382 tỷ đồng

Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị của GĐNH ngày 30/10/2007 về việc xử lý số lượng cổ phiếu còn dư lại nếu có từ đợt đấu giá thì số cổ phiếu này sẽ được tái phân bổ lại cho các cổ đông tại thời điểm sau khi các nhà đầu tư hoàn tất việc đóng tiền với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

5. Giá dự kiến chào bán:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 04 năm 2007, Giá cổ phiếu dự kiến phát hành cho các đối tượng trong đợt phát hành để tăng vốn điều lệ như sau:

- Cổ đông chiến lược: theo giá thỏa thuận là 30.000 đồng/cổ phiếu
- Các nhà đầu tư bên ngoài: 40.000 đồng/cổ phiếu
- Ông Nguyễn Hồng Ánh : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Công đoàn Ngân hàng TMCP GĐ(*): 10.000 đồng/cổ phiếu

(*) Công đoàn NH TMCP Gia Định sẽ chỉ sử dụng nguồn Quỹ công đoàn và có đủ năng lực

tài chính để đăng ký số lượng dành cho công đoàn được phân bổ trong đợt phát hành này.

6. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư bên ngoài được xác định theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của GĐNH ngày 19 tháng 4 năm 2007 và được tính như sau:

Giá cổ phiếu phát hành cho các nhà đầu tư bên ngoài được tính bằng 50% giá trị thị trường trung bình trong ba tháng, từ tháng 12/2006 đến tháng 2 năm 2007, bằng 8 lần mệnh giá của cổ phiếu. Như vậy, giá khởi điểm dự kiến chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài là:

Với mệnh giá cổ phiếu của GĐNH là 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá khởi điểm được xác định bằng $50\% \times 80.000 \text{ đồng} = 40.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$.

7. Thời gian phân phối

Dự kiến thời gian của việc phân phối cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2007.

Lịch trình phân phối cổ phiếu

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán do UBCKNN cấp, lộ trình triển khai các công việc tiếp theo như sau:

Công việc triển khai	Thời gian thực hiện
Ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
Công bố thông tin đại chúng về việc nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu và việc bán đấu giá thông qua Sở GDCKTP HCM	D đến (D+7)
Phát đơn đăng ký và nhận tiền cọc	(D+7) đến (D+24)
Tổ chức giới thiệu về đợt chào bán	(D+15) đến (D+20)
Tổ chức đấu giá	(D+27)
Thời gian đóng tiền của các nhà đầu tư đấu giá thành công	(D+29) đến (D+39)
Chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền đăng ký mua số cổ phiếu còn dư lại từ đợt đấu giá (nếu có)	(D+40)
Báo cáo UBCKNN về kết quả của việc PH cổ phiếu ra công chúng	(D+42) đến (D+49)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Chào bán ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai:

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá dự kiến: tháng 10 năm 2007
- Thời gian tổ chức đấu giá dự kiến: tháng 10 đến tháng 11 năm 2007
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Buổi đấu giá dự kiến sẽ được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
- Các thủ tục và điều kiện tham dự đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Chương II, Mục 1, Điều 3, khoản 5 của Quyết định số 787/2004/QĐ-NHNN ngày 24/06/2004 của Thống đốc NHNN ban hành quy định tạm thời về việc ngân hàng TMCP đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng thì GĐNH phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của Thống đốc NHNN.

Căn cứ ý kiến của NHNN tại Công văn số 4175/NHNN-CN ngày 20/05/2006 trả lời UBCKNN về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Ngân hàng TMCP khi ngân hàng phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán thì: “Về cơ bản, khi ngân hàng Việt Nam niêm yết và phát hành trên thị trường chứng khoán, việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tuy nhiên phải đảm bảo tổng mức sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam”. NHNN sẽ có hướng dẫn chi tiết về vấn đề này sau khi Nghị định về tổ chức tín dụng nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 24/07/2007, căn cứ vào sổ quản lý theo dõi cổ đông của Ngân hàng, số cổ phần của các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng là: 0 cổ phần (0%).

10. Các loại thuế có liên quan

10.1. Thuế liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán

Các loại thuế GĐNH phải nộp cho ngân sách nhà nước:

- Thuế GTGT: hoạt động về dịch vụ tín dụng (hoạt động cho vay theo nguyên tắc hoàn trả vốn) không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, kinh doanh ngoại tệ và các dịch vụ khác thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (28%). Riêng đối với khoản thu nhập từ lãi trái phiếu kho bạc không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thuế nhà đất.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

10.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC quy định như sau:

- ❑ **Các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập:** gồm các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực (trừ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ) có thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, như doanh nghiệp Nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, tham gia đầu tư chứng khoán. Hoạt động đầu tư chứng khoán của các tổ chức này là hoạt động tài chính, do vậy thu nhập từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tính thuế phải gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định chung.
- ❑ **Các tổ chức khác** (trừ tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập nói trên, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán) gồm các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam: thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán. Số thuế phải nộp được xác định bằng 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.
- ❑ **Các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ:** chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu (trừ trái phiếu được miễn thuế theo qui định của pháp luật) từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ được tính vào “doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế”.
- ❑ **Các cá nhân đầu tư chứng khoán:** bao gồm các cá nhân trong và ngoài nước đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo qui định hiện hành.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- ❑ Tên ngân hàng: Ngân hàng Nhà nước, Chi nhánh Hồ Chí Minh
- ❑ Số tài khoản: 4531.00.814
- ❑ Tên tài khoản: Ngân hàng TMCP Gia Định
- ❑ Địa chỉ: 17 Bến Chương Dương, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- ❑ Điện thoại: (08) 8217857

PHẦN V

MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

- Chào bán thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của GĐNH lên 500 tỷ, nhằm tăng khả năng huy động vốn, tính thanh khoản và đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng. Bên cạnh đó đồng thời nhằm đáp ứng yêu cầu của Quyết định 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của chính Phủ.
- Kêu gọi thêm nguồn tài chính từ các nhà đầu tư bên ngoài để phát triển và đẩy mạnh thêm các loại hình nghiệp vụ của ngân hàng. Đồng thời nhằm tăng cường và hỗ trợ các chi phí đào tạo cho đội ngũ nhân viên ngân hàng, chuẩn bị cho giai đoạn Hội nhập.

2. Kế hoạch đầu tư

2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng như hiện nay của GĐNH, thì diện tích mặt bằng Hội sở hiện hữu không theo kịp quy mô phát triển của Ngân hàng. Do vậy, Ban lãnh đạo của GĐNH đã kế hoạch tìm kiếm để mua và xây dựng Hội sở mới nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động và phát triển của Ngân hàng trong giai đoạn 2008-2010. Kế hoạch triển khai mua Hội sở mới dự kiến từ Quý III/2007 đến Quý I/2008.
- Mua mới, lắp đặt các trang thiết bị và sửa chữa 03 Chi nhánh và 06 Phòng Giao dịch mới, đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động. Dự kiến thực hiện trong Quý IV/2007.

2.2. Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin:

Nhằm chuẩn bị cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn sắp tới của GĐNH và đồng thời nâng cao hơn nữa khả năng quản trị, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ngân hàng, Ban Lãnh đạo đã có kế hoạch đầu tư mới hệ thống thông tin, lắp đặt hệ thống Core - Banking. Thời gian dự kiến triển khai dự án này là trong năm 2008.

2.3. Phát triển nghiệp vụ:

Trong giai đoạn tới, để đáp ứng kế hoạch thu nhập từ dịch vụ và thu khác, GĐNH kế hoạch phát triển thêm một số các dịch vụ mới bao gồm như sau:

- Dịch vụ kiều hối: GĐNH sẽ liên kết làm đại lý cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kiều hối, đồng thời trực tiếp thực hiện dịch vụ với đối tác nước ngoài.
- Dịch vụ ngân quỹ với các hoạt động như cho thuê két sắt, quản lý các giấy tờ, tài

sản có giá, thu chi hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại...

- ❑ Dịch vụ thẻ: Bên cạnh việc đã thực hiện làm đại lý thanh toán thẻ Visa/Master card cho ICB, GĐNH đã tiến hành lựa chọn để tham gia hệ thống thẻ thanh toán Vietcombank.
 - ❑ Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn về đầu tư, du học, tư vấn kinh doanh bất động sản...
- Các dịch vụ trên kế hoạch triển khai vào cuối Quý IV/2007 hoặc đầu Quý I /2008.

2.4. Đào tạo

Xác định mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tại GĐNH là kết hợp mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu lâu dài. Trong giai đoạn năm 2007 – 2010, GĐNH sẽ triển khai thực hiện chính sách tuyển mới và đào tạo tại chỗ thường xuyên đối với đội ngũ nhân viên hiện tại của GĐNH; song song đó là kế hoạch lựa chọn những nhân viên có năng lực để theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để rèn luyện bổ sung vào các vị trí quản lý trong tương lai.

3. Nhu cầu vốn

- ❑ Đầu tư cơ sở hạ tầng bao gồm mua và xây dựng Hội sở mới, 03 Chi nhánh và 06 Phòng Giao dịch mới; lắp đặt các trang thiết bị cho Hội sở và các chi nhánh, phòng giao dịch. Dự kiến tổng chi phí đầu tư cho mục này vào khoảng 200 tỷ đồng.
- ❑ Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, corebanking. Dự kiến khoảng 30 tỷ đồng.
- ❑ Đầu tư phát triển sản phẩm dịch vụ : dự kiến khoảng 60 tỷ đồng.
- ❑ Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho CB-CNV GĐNH: dự kiến khoảng 10 tỷ đồng.
- ❑ Nhu cầu vốn phục vụ cho nhu cầu tăng trưởng về tín dụng và tài trợ xuất nhập khẩu dự kiến là 260 tỷ.

4. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành này là:

Stt	Đối tượng	Khối lượng	Giá phát hành	Giá trị thu được
1	Cổ đông chiến lược Vietcombank	13.861.800	30.000	415.854.000.000
2	Các nhà đầu tư bên ngoài	3.638.200	40.000	145.528.000.000
3	Các đối tượng khác do HĐQT quyết định	238.200	10.000	2.382.000.000
	Tổng cộng	17.738.200		563.764.000.000

Như vậy tổng giá trị thu được dự kiến từ đợt phát hành này là 563,7 tỷ đồng. Số tiền này dự kiến sẽ được phân bổ cho các dự án như sau:

- ❑ Đầu tư cơ sở hạ tầng: khoảng 200 tỷ đồng.
- ❑ Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, core banking là 30 tỷ đồng
- ❑ Đầu tư phát triển sản phẩm dịch vụ: khoảng 60 tỷ đồng.
- ❑ Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn: dự kiến khoảng 10 tỷ đồng.
- ❑ Nhu cầu vốn phục vụ tăng trưởng tín dụng và tài trợ xuất nhập khẩu là 260 tỷ



PHẦN VI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

☐ *Trụ sở chính:*

- Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 9343137
- Fax: (04) 9360262
- Website: www.vcbs.com.vn
- Email: vcbscurities@vietcombank.com.vn

☐ *Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:*

- Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 8207816
- Fax: (08) 8208117

☐ *Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:*

- Địa chỉ: 63 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 8200799
- Fax: (08) 8200770

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2002.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 09/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/02/2002.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN - AAC

- Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: (0511) 655886
- Fax: (0511) 655887
- E-mail: aac@dng.vnn.vn

PHẦN VII PHỤ LỤC

1. Phụ lục I Điều lệ Ngân hàng TMCP Gia Định

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Gia Định ngày 16 tháng 01 năm 2004.
- Quyết định số 286/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 03 năm 2004 của NHNN Việt Nam về việc chuẩn y việc sửa đổi bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Quyết định số 1872/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2005 của NHNN Việt Nam về việc chuẩn y sửa đổi bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Công văn của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định về việc cam kết sửa đổi điều lệ Ngân hàng.

2. Phụ lục II Những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức phát hành

- Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do NHNN cấp ngày 22/08/1992.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 07 năm 2007).
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0301378892 đăng ký ngày 25 tháng 05 năm 1998 do Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 09 năm 2005.

3. Phụ lục III Các báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2005 của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006 của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2007 của Ngân hàng TMCP Gia Định.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2007

**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

